

Số: 01/BB-DHĐCĐTN



BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần LILAMA 69-3.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 515, Điện Biên Phủ, TP Hải Dương.
3. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0800001972 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 8 năm 2022.

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian: 08h30 ngày 26/4/2024.
- Địa điểm : Tại Hội trường tầng 5 – Công ty cổ phần LILAMA 69-3.

Địa chỉ số 515 - Điện Biên Phủ - tp Hải Dương - tỉnh Hải Dương.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP CỦA ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự

Theo báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu cổ đông tham dự đại hội của Bà Cao Thị Dự /Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu. Cổ đông dự họp như sau:

+ Tổng số cổ đông được triệu tập là 1.301 cổ đông, sở hữu 8.279.361 cổ phần, tương ứng với 100% vốn Điều lệ.

+ Tổng số đăng ký tham dự họp là 74 cổ đông, đại diện cổ đông, tương ứng với số cổ phần biểu quyết là 6.171.072 cổ phần, chiếm 74,54 % vốn điều lệ Công ty.

+ Tổng số về dự đại hội đủ tư cách là 70 cổ đông, đại diện cổ đông, với số cổ phần biểu quyết là 6.157.680 cổ phần, tương ứng 74,37 % vốn điều lệ Công ty.

2. Tính hợp pháp của Đại hội

Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020, Điều lệ Công ty CP LILAMA 69-3 thì phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành hợp pháp, hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành.

III. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

1. Bầu Ban chủ tọa Đại hội

Để điều hành Đại hội, sau khi nghe Ban tổ chức giới thiệu Danh sách Ban chủ tọa, 100 % cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã nhất trí thông qua Ban chủ tọa gồm các thành viên như sau

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Đỗ Trọng Toàn | - Chủ tọa |
| - Ông Cao Viết Cường | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Quốc Khánh | - Thành viên |

2. Chỉ định Ban thư ký Đại hội và thông qua Ban kiểm phiếu.

Để ghi chép diễn biến của Đại hội và soạn thảo nghị quyết của Đại hội, Chủ tọa đã chỉ định Ban Thư ký gồm các thành viên như sau:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng ban
- Bà Đoàn Thị Thủy - Thành viên

Để thực hiện công tác kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tại Đại hội, sau khi nghe Ban Chủ tọa giới thiệu danh sách các thành viên Ban kiểm phiếu, 100 % cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã nhất trí thông qua Ban kiểm phiếu gồm các thành viên như sau:

1. Bà Đỗ Thị Lý - TP TCNS /Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - CB Phòng TCNS /Thành viên
3. Bà Ngô Thị Nhân - CB Phòng KH-ĐT /Thành viên

3. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội và chương trình nghị sự.

Đại hội nghe Ông Nguyễn Quốc Khánh - TV HĐQT công bố dự thảo Quy chế làm việc của đại hội 100 % cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội nghe Ông Đỗ Trọng Toàn thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, 100 % cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung chương trình nghị sự của Đại hội.

4. Nội dung của Đại hội:

4.1 Đại hội nghe các Báo cáo, Tờ trình:

+ Ông Cao Việt Cường /TV HĐQT, TGD báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024.

+ Đại hội nghe Ông Đỗ Trọng Toàn /CT HĐQT báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

+ Ông Đỗ Trọng Toàn/ CT HĐQT trình bày đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025.

+ Bà Cao Thị Dự /Trưởng BKS báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

+ Ông Nguyễn Quốc Khánh /TV HĐQT báo cáo các chỉ tiêu tài chính 2023 đã được kiểm toán, tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

+ Ông Nguyễn Quốc Khánh /TV HĐQT trình bày Tờ trình mức chi trả tiền lương chuyên trách, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

+ Bà Cao Thị Dự/ Trưởng BKS trình bày Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2024.

4.2 Thảo luận tại Đại hội:

- Ý kiến của cổ đông:

Ban Chủ tọa nhận được ý kiến đóng góp của cổ đông Phạm Xuân Đăng và Nguyễn Hồng Hạnh: Nhất trí với nội dung các báo cáo, ghi nhận sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty trong điều kiện nền Kinh tế còn rất nhiều khó khăn. Trong thời gian tới Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh để

Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, đảm bảo có cổ tức cho các cổ đông. Về việc cổ đông có thay đổi địa chỉ đề nghị Công ty hướng dẫn làm các thủ tục.

- Trả lời ý kiến của các cổ đông:

Đại diện Ban Chủ tọa tiếp thu ý kiến của các cổ đông, Ban lãnh đạo sẽ phối hợp, chỉ đạo để Công ty ngày một phát triển vững mạnh hơn.

Hiện nay do việc thay đổi căn cước, cũng như có nhiều cổ đông đã thay đổi địa chỉ và các thông tin khác. Các cổ đông liên hệ với Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Lilama 69-3 để được hỗ trợ hướng dẫn. (Liên hệ: Đào Thị My Hồng – ĐT 0936 001 386, Đặng Thị Thuý Nga – ĐT 0986 254 997).

5. Biểu quyết thông qua các nội dung:

5.1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành: Nội dung chi tiết theo Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 02/4/2024 của Tổng giám đốc Công ty kèm theo. Trong đó các nội dung chính như sau:

5.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

| | |
|---------------------------|-----------------|
| -Vốn điều-lệ | : 82,79 tỷ đồng |
| - Doanh thu | : 600 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 3,84 tỷ đồng |
| - Các khoản nộp ngân sách | : 19,40 tỷ đồng |
| - Lao động bình quân | : 900 người |
| - Đầu tư phát triển | : 7,7 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức | : 0% |

5.1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

| | |
|---------------------------|-----------------|
| - Vốn điều lệ | : 82,79 tỷ đồng |
| - Doanh thu | : 620 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : 2,5 tỷ đồng |
| - Các khoản nộp ngân sách | : 7 tỷ đồng |
| - Lao động bình quân | : 900 người |
| - Đầu tư phát triển | : 150 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức | : 0% |

Kết quả biểu quyết:

| | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| + Số biểu quyết đồng ý: | 6.157.680, tương ứng 100 %. |
| + Số biểu quyết không đồng ý: | 0, tương ứng 0 %. |
| + Số biểu quyết không có ý kiến: | 0, tương ứng 0 %. |

5.2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị: Nội dung chi tiết theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ngày 02/4/2024 kèm theo.

Kết quả biểu quyết:

| | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| + Số biểu quyết đồng ý: | 6.157.680, tương ứng 100 %. |
| + Số biểu quyết không đồng ý: | 0, tương ứng 0 %. |
| + Số biểu quyết không có ý kiến: | 0, tương ứng 0 %. |

5.3 Thông qua đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025. Nội dung chi tiết theo đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025 kèm theo.

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.153.472, tương ứng 99,93 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 4.208, tương ứng 0,07 %.

5.4 Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát: Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty ngày 20/3/2024 kèm theo.

Kết quả biểu quyết:

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.157.680, tương ứng 100 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 0, tương ứng 0 %.

5.5 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT, ngày 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán kèm theo.

Kết quả biểu quyết:

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.154.518, tương ứng 99,95 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 3.162, tương ứng 0,05 %.

5.6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT, 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.150.780, tương ứng 99,89 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 6.900, tương ứng 0,11 %.

5.7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2024: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT, ngày 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Trong đó:

Tổng mức tiền lương, thù lao là: 744.000.000 đồng. Trong đó:

+ Tổng số tiền lương, thù lao của HĐQT: 528.000.000 đồng (trong đó lương chuyên trách là 384.000.000 đồng, thù lao là 144.000.000 đồng).

+ Tổng số tiền lương, thù lao của thành viên BKS: 216.000.000 đồng (trong đó lương chuyên trách là 180.000.000 đồng, thù lao là 36.000.000 đồng).

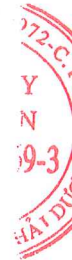
Kết quả biểu quyết:

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.155.824, tương ứng 99,97 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 1.856, tương ứng 0,03 %.

5.8. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 69-3 năm 2024: Nội dung chi tiết theo Tờ trình 01/TTr-BKS ngày 02/4/2024 của Ban kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

- + Số biểu quyết đồng ý: 6.154.988, tương ứng 99,96 %.
- + Số biểu quyết không đồng ý: 0, tương ứng 0 %.
- + Số biểu quyết không có ý kiến: 2.692, tương ứng 0,04 %.



Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h.15' cùng ngày. Biên bản gồm 05 (năm) trang, được lập ngay sau khi chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LILAMA 69-3 kết thúc. Biên bản được Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng Ban Thư ký đọc thông qua trước đại hội. 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã nhất trí thông qua.

BAN THƯ KÝ



Nguyễn Mạnh Hùng



Đoàn Thị Thủy

TM. BAN CHỦ TỌA

Chủ tọa



Đỗ Trọng Toàn

Tại liệu lưu kèm theo:

- + Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
- + Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử;
- + Các báo cáo: Ban điều hành, HĐQT, BKS; Đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3
- + Các Tờ trình: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; Tờ trình mức chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT, Ban kiểm soát; Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2024; Tờ trình thông qua báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
- + Biên bản kiểm phiếu.

C.P. DA.

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần LILAMA 69-3, ngày 26/4/2024

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban điều hành: Nội dung chi tiết tại Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 02/4/2024 của Tổng giám đốc Công ty kèm theo. Trong đó các nội dung chính như sau:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Vốn điều lệ : 82,79 tỷ đồng
- Doanh thu : 600 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 3,84 tỷ đồng
- Các khoản nộp ngân sách : 19,40 tỷ đồng
- Lao động bình quân : 900 người
- Đầu tư phát triển : 7,7 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức : 0%

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Vốn điều lệ : 82,79 tỷ đồng
- Doanh thu : 620 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 2,5 tỷ đồng
- Các khoản nộp ngân sách : 7 tỷ đồng
- Lao động bình quân : 900 người
- Đầu tư phát triển : 150 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức : 0%

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị: Nội dung chi tiết theo Báo cáo Hội đồng quản trị Công ty ngày 02/4/2024 kèm theo.



Điều 3: Thông qua đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025: Nội dung chi tiết theo đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025 kèm theo.

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát: Nội dung chi tiết theo Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty ngày 20/3/2024 kèm theo.

Điều 5: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT, ngày 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán kèm theo.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT, ngày 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 7: Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2024: Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT, ngày 02/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Trong đó:

Tổng mức tiền lương, thù lao là: 744.000.000 đồng. Trong đó:

+ Tổng số tiền lương, thù lao của HĐQT: 528.000.000 đồng (trong đó lương chuyên trách là 384.000.000 đồng, thù lao là 144.000.000 đồng).

+ Tổng số tiền lương, thù lao của thành viên BKS: 216.000.000 đồng (trong đó lương chuyên trách là 180.000.000 đồng, thù lao là 36.000.000 đồng).

Điều 8: Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 69-3 năm 2024: Nội dung chi tiết tại Tờ trình 01/TTr-BKS ngày 02/4/2024 của Ban kiểm soát.

Điều 9: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị, các cổ đông và cá nhân có liên quan Công ty cổ phần LILAMA 69-3 chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Nơi nhận:

- UBCK NN, Sở GD&ĐT HN;
- TCT LMVN-CTCP;
- Như điều 9;
- Lưu VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Đỗ Trọng Toàn



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Địa chỉ: 515- Đường Điện Biên Phủ – TP Hải Dương
Tel: 0220 3.852 584; Fax: 0220 3.853 958
Email: lilama69-3@lilama69-3.com.vn

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

Kính thưa Đại hội!

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 69-3.

Căn cứ quyết định số 77/QĐ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 69-3 về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội, tôi xin báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP LILAMA 69-3 như sau:

Tổng số cổ đông được triệu tập về dự đại hội là 1.301 cổ đông với tỷ lệ cổ phần biểu quyết là 8.279.361 cổ phần đạt 100% vốn điều lệ Công ty.

Số cổ đông đăng ký dự Đại hội là 74 người với số cổ phần biểu quyết là 6.171.072 cổ phần đạt 74,54% vốn điều lệ Công ty. Trong đó:

- Cổ đông cá nhân, đại diện ủy quyền: 74 người, với số cổ phần biểu quyết là 3.190.502 cổ phần đạt 38,54 % vốn điều lệ Công ty.

- Đại diện cổ đông pháp nhân: 0 người, với số cổ phần biểu quyết là 0 cổ phần đạt 0% vốn điều lệ Công ty.

- Đại diện vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 03 người, với số cổ phần biểu quyết là 2.980.570 cổ phần đạt 36% vốn điều lệ Công ty.

Tổng số cổ đông, đại diện ủy quyền, đại diện vốn về dự đại hội đủ tư cách là 70 người với tỷ lệ cổ phần biểu quyết là 6.157.680 cổ phần đạt 74,37 % vốn điều lệ Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP LILAMA 69-3. Đại hội được tiến hành hợp lệ, đủ tiêu chuẩn.

Vậy, thay mặt cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước đại hội.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

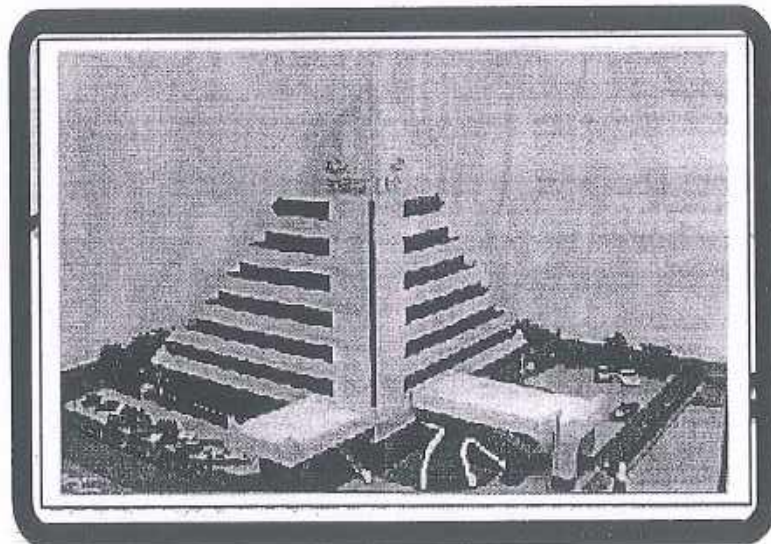
Xin trân trọng cảm ơn!

T/M BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Cao Thị Dụ

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

QUY CHẾ
LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
NĂM 2024



HẢI DƯƠNG 4/2024



Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 69-3.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lilama 69-3. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội; chương trình, thời gian làm việc của Đại hội; thể lệ biểu quyết và các quy định khác của Đại hội.

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP LILAMA 69-3 có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định tại quy chế này.

Điều 2: Thời gian và chương trình Đại hội:

1. Chương trình đại hội được đính kèm Quy chế này.
2. Thời gian Đại hội: Dự kiến 1/2 ngày, từ 8h00 đến 11h40 ngày 26/4/2024.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 3: Cổ đông tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần LILAMA 69-3 có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 28/3/2024 và đã đăng ký với Ban tổ chức trước 17h ngày 23/4/2024 được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ sau:

0800
CỘNG
CỔ P
LILAMA
DUYÊN

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân;

+ Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

- Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội.

- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay thế mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Tham gia biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Góp ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua đại diện ủy quyền của mình về toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Ban chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại, tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp cũng có thể ghi nội dung câu hỏi vào phiếu, chuyển cho Ban thư ký.

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận từng nội dung và thông qua bằng biểu quyết.

- Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông phải tuân thủ sự hướng dẫn của Ban chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4: Ban chủ tọa Đại hội

1. Ban chủ tọa có 03 người, gồm Chủ tọa (là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty) và các thành viên do Ban tổ chức giới thiệu được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng cách giơ phiếu biểu quyết. Ban chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban chủ tọa.

- Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

- Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu nằm trong chương trình Đại hội.

- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

- Quyết định của Chủ tọa về các vấn đề: trình tự, thủ tục hoặc sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5: Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập và giới thiệu với Đại hội, có chức năng nhiệm vụ sau:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ pháp lý của cá nhân, giấy mời, giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền hoặc người được ủy quyền); xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

2. Phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội.

3. Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 6. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Ban chủ tọa:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

- Hỗ trợ Ban chủ tọa công bố dự thảo Biên bản, nghị quyết Đại hội và thông báo của Ban chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

- Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 7. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử giới thiệu được Đại hội biểu quyết thông qua bằng cách giơ phiếu biểu quyết tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền dự họp.

- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, thông báo kết quả cho Ban chủ tọa, Ban thư ký và thông báo kết quả trước đại hội.

- Thực hiện các việc khác tại Đại hội.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện tiến hành Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 28 tháng 3 năm 2024 (thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập họp Đại hội).

Điều 9: Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu, đại diện và ủy quyền.

2. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quy định của chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến phiên họp.

- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Một số vấn đề cổ đông thực hiện giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội để biểu quyết theo nội dung (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến), cụ thể:

+ Thông qua thành phần Ban chủ tọa, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội.

+ Thông qua Biên bản Đại hội.

+ Thông qua các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Các báo cáo, tờ trình tại đại hội được biểu quyết bằng phiếu biểu quyết (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến).

3. Kết quả biểu quyết sẽ được công bố ngay tại Đại hội.

4. Việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 10: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ghi tóm tắt diễn biến cuộc họp. Biên bản được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Biên bản Đại hội được lập xong, thông qua trước khi bế mạc đại hội và được lưu trữ tại Công ty theo quy định.

**CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11: Hiệu lực

Quy chế này gồm 11 điều, có hiệu lực ngay sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP LILAMA 69-3 tiến hành Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
Chủ tịch

Đỗ Trọng Toàn



LILAMA69-3.,JSC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Địa chỉ: 515 đường Điện Biên Phủ - Bình Hàn - Tp Hải Dương

Tel: 02203 852584 - Fax: 02203 853958

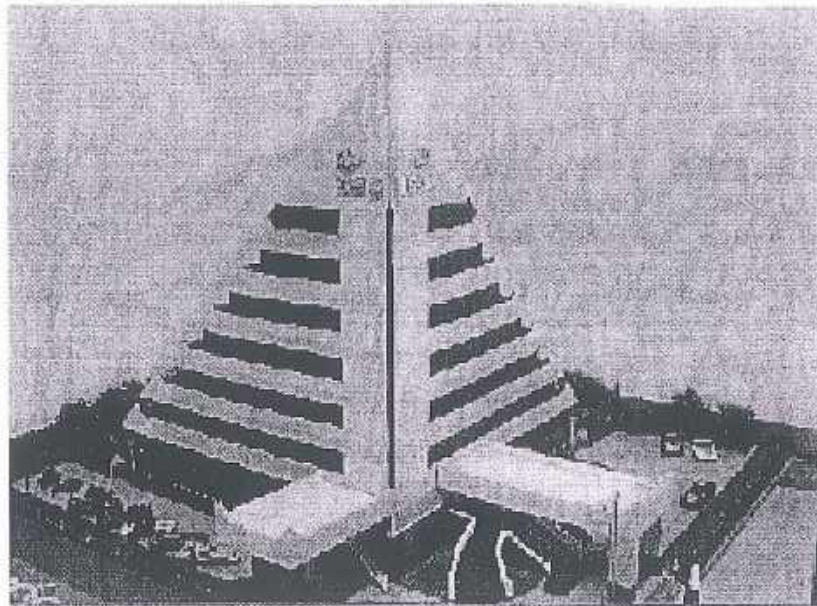
Email: Lilama69-3@lilama69-3.com.vn Website: www.lilama69-3.vn

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



HẢI DƯƠNG, THÁNG 4/2023

Hải Dương, ngày 2 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Lilama 69-3, Ban Tổng giám đốc xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH theo NQ ĐHĐCĐ 2023 | Thực hiện năm 2023 | (%) TH/KH 2023 |
|----|--|---------|--------------------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 82,79 | 82,79 | 100 |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 700 | 600 | 86 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 0,38 | 3,84 | 1.011 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 18 | 19,4 | 108 |
| 5 | Lao động bình quân | Người | 1.100 | 900 | 82 |
| 6 | Đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 21 | 7,7 | 36,7 |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức | % | 0 | 0 | 0 |

2. Tình hình thực hiện SXKD năm 2023:

2.1. Về xây lắp và sản xuất công nghiệp:

Năm 2023 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các hợp đồng về gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cho một số Dự án, công trình trong nước với doanh thu đạt 221 tỷ đồng.

Trong đó doanh thu một số công trình tiêu biểu như:

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2023 |
|----|---|-------------|--------------------|
| 1 | Dự án xi măng Xuân Thành III | Tỷ đồng | 111.603 |
| 2 | Nâng cấp vỏ máy nghiền xi măng số 2 - Công ty xi măng Nghi Sơn | Tỷ đồng | 32.921 |
| 3 | Trạm nghiền xi măng Xuân Thành | Tỷ đồng | 24.836 |

2.2. Về chế tạo thiết bị xuất khẩu:

Gia công chế tạo thiết bị xuất khẩu cho Dự án Takraf (Úc), Schade, PHB, SMS,... với giá trị doanh thu 257,8 tỷ đồng.

2.3. Về dịch vụ công nghiệp:

Duy trì sửa chữa và bảo dưỡng cho các Nhà máy xi măng như: Nghi Sơn, Hoàng Thạch, Hải Phòng, ChinFon, Fico, La Hiên, Đồng Lâm, Thép Hoà Phát,... với giá trị doanh thu đạt 121,2 tỷ đồng.

3. Về đầu tư.

Công tác đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công của Công ty được thực hiện phù hợp với tình hình SXKD. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Công tác thị trường:

Ngoài các hợp đồng chuyển tiếp của năm 2022 sang. Năm 2023 Công ty đã tìm kiếm, ký kết các hợp đồng trong nước và xuất khẩu về gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị, sửa chữa bảo dưỡng với giá trị khoảng 625 tỷ đồng, trong đó giá trị hợp đồng xuất khẩu khoảng 6,6 triệu USD (khoảng 160 tỷ đồng)

5. Công tác lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội:

Tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2023 là: 868 người

Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm và phúc lợi đối với người lao động thực hiện đầy đủ theo quy định, đảm bảo đời sống cho CBCNV yên tâm công tác.

Số tiền BHXH, BHYT và BHTN phải trích nộp năm 2023 là 17,6 tỷ đồng. Công ty đã nộp đầy đủ.

6. Công tác đào tạo:

- Công ty luôn tuân thủ, quan tâm công tác đào tạo kiến thức về An toàn vệ sinh lao động, tập huấn phương án chữa cháy: 644 người. Đào tạo vận hành xe nâng, cầu trục: 38 người, lắp dựng giàn giáo: 22 người. Đào tạo sát hạch chứng chỉ thợ hàn, gia hạn chứng chỉ thợ hàn: 147 người

- Hướng dẫn chuyên sâu thực hiện báo cáo hải quan, kỹ năng phân loại xác định mã số hàng hóa: 5 người

- Quản trị rủi ro trong thực hiện hợp đồng và thu hồi nợ quá hạn: 4 người

7. Công tác quản lý tài chính:

Công tác quản lý tài chính được kiểm soát chặt chẽ, cập nhật đầy đủ, kết thúc năm tài chính được kiểm toán và công bố thông tin tài chính công khai đúng quy định.

7.1. Về tình hình nợ vay thực hiện đến 31/12/2023: 223,77 tỷ đồng

Trong đó:

| | |
|--------------------------------------|----------------|
| + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: | 214,60 tỷ đồng |
| + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: | 9,17 tỷ đồng |

| | |
|--|-----------------------|
| 7.2. Các khoản phải thu: | 214,03 tỷ đồng |
| - Phải thu ngắn hạn: | 213,03 tỷ đồng |
| <i>Trong đó:</i> | |
| + Phải thu của khách hàng: | 195,14 tỷ đồng |
| + Trả trước cho người bán | 1,93 tỷ đồng |
| + Các khoản phải thu khác: | 15,96 tỷ đồng |
| - Phải thu dài hạn: | 1,00 tỷ đồng |
| 7.3. Chi phí tài chính năm 2023 là: | 25,27 tỷ đồng |

7.4. Công tác thu hồi công nợ:

Ban điều hành luôn bám sát chỉ đạo công tác thu hồi vốn, số vốn thu hồi trong năm 2023 đạt 703,8 tỷ đồng. Bên cạnh đó tình trạng nợ đọng của một số chủ đầu tư kéo dài, khó đòi vẫn còn dẫn đến tình hình tài chính vẫn gặp nhiều khó khăn.

8. Đánh giá chung:

Do tình hình khó khăn chung, việc làm giảm mạnh ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng. Sự cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề rất gay gắt, đơn giá trúng thầu thấp, tỷ giá, giá vật tư có nhiều biến động. Vật tư còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu của nước ngoài.

Chỉ tiêu doanh thu năm 2023 chưa đạt kế hoạch đề ra của Đại hội, tuy nhiên việc duy trì, đảm bảo việc làm ổn định cho khoảng 900 CBCNV trong điều kiện khó khăn cũng là một sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty. Các chế độ chính sách đối với nhà nước và người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định.

Nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế, để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD Công ty vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng. Vì vậy tính tự chủ về tài chính chưa cao, chi phí tài chính lớn.

Do đặc thù tính chất của ngành lắp máy người lao động thường xuyên phải lưu động theo các công trình nên tình trạng công nhân thanh lý, chấm dứt hợp đồng lao động nhiều. Việc tuyển dụng lao động có chuyên môn, tay nghề khó khăn, công nhân mới ra trường kinh nghiệm và trình độ còn hạn chế.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Trên cơ sở các công trình đã ký Hợp đồng chuyển tiếp của năm 2023, nhận định tình hình thị trường và năng lực của Công ty. Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng, giải pháp thực hiện như sau:

1. Một số chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2024 | Ghi chú |
|----|--|---------|-------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 82,79 | |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 620 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 2,5 | |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 7 | |
| 5 | Lao động bình quân | Người | 900 | |
| 6 | Đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 150 | |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức dự kiến | % | 0 | |

2. Phương hướng và giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD 2024:

- Tiếp tục khai thác, tìm kiếm mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước, tăng cường chế tạo thiết bị xuất khẩu. Nâng cao sức cạnh tranh và giữ vững mối quan hệ hợp tác với các đối tác, bám sát các chủ đầu tư để tham dự thầu, tìm kiếm việc làm.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các dự án trọng điểm như: Dự án nhiệt điện Vũng Áng 1, Dự án gia công chế tạo kết cấu thép H2GS, Dự án lắp đặt dây chuyền lò vôi đứng thép Hoà Phát, Dung Quất, Dự án Trạm nghiền xi măng Xuân Thành, Dự án CHOPE Hoàng Long – Hoà Bình, Dự án xuất khẩu Schade, SMS,... đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng. Duy trì ổn định, mở rộng thị trường lĩnh vực sửa chữa.

- Bám sát công tác thu hồi vốn các công trình, dự án đã thi công xong để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Đẩy nhanh vòng quay vốn, tiết kiệm tối đa các chi phí trong sản xuất và chi phí lãi vay.

- Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự, đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường công tác khoán nhằm khuyến khích người lao động làm việc có trình độ, chuyên môn, năng suất và gắn bó lâu dài với Công ty.

- Tập trung đẩy nhanh triển khai Dự án điều chỉnh Nhà máy CTTB Lilama 69-3 đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Khai thác sử dụng, phát huy tối đa nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện có. Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ có năng suất, chất lượng và hiệu quả phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Công ty.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc theo nội dung đã phê duyệt.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban tổng giám đốc Công ty CP LILAMA 69-3 về kết quả thực hiện SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

· Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Đại hội đồng cổ đông, đặc biệt là ý kiến đóng góp, chỉ đạo của cổ đông Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP để hoạt động SXKD của Công ty năm 2024 cũng như các năm tiếp theo ngày một phát triển vững mạnh hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KHĐT Cty.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Việt Cường



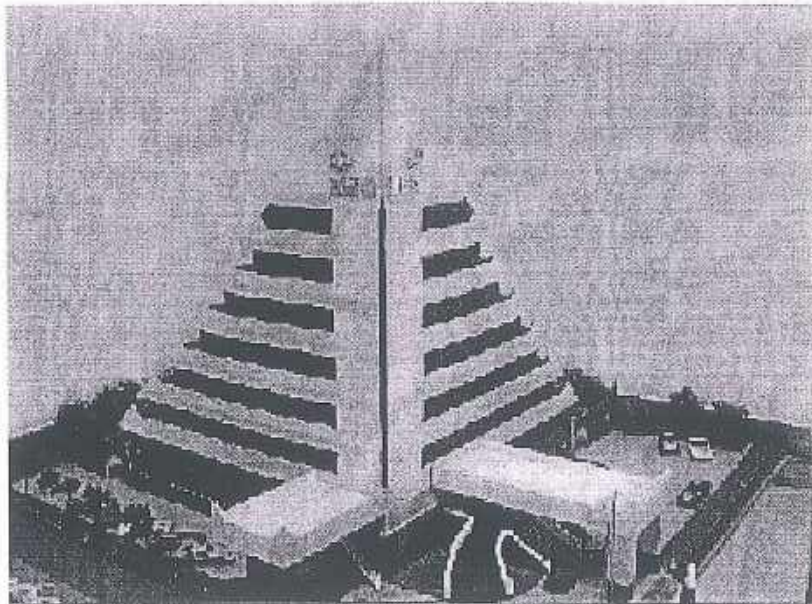
**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

Địa chỉ: 515 đường Điện Biên Phủ - Bình Hàn - Tp Hải Dương

Tel: 02203 852584 - Fax: 02203 853958

Email: Lilama69-3@lilama69-3.com.vn - Website: www.lilama69-3.vn

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3 NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**



HẢI DƯƠNG 4/2024



Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3 NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 69-3;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP LILAMA 69-3.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LILAMA 69-3 về kết quả hoạt động trong năm 2023 và kế hoạch năm 2024 với các nội dung chính như sau:

I. CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT Công ty cổ phần LILAMA 69-3 hiện nay gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| 1. Ông Đỗ Trọng Toàn | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Cao Việt Cường | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Quốc Khánh | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Phạm Văn Tâm | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Mạnh Cường | - Thành viên HĐQT |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023.

Do tình hình khó khăn chung, việc làm giảm mạnh. Sự cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề rất gay gắt, đơn giá trúng thầu thấp, tỷ giá, giá vật tư có nhiều biến động, còn phụ thuộc nhiều vào vật tư nhập khẩu của nước ngoài. Chỉ tiêu doanh thu năm 2023 không đạt kế hoạch đại hội đề ra, tuy nhiên Công ty cũng đã duy trì, đảm bảo việc làm ổn định cho khoảng 900 CBCNV trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn cũng là sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty. Các chế độ chính sách đối với nhà nước và người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định. Cụ thể các chỉ tiêu chính về SXKD 2023 như sau:

1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH theo NQ ĐHCĐ 2023 | Thực hiện năm 2023 | (%) TH/KH 2023 |
|----|--|---------|----------------------|--------------------|----------------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 82,79 | 82,79 | 100 |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 700 | 600 | 86 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 0,38 | 3,84 | 1.011 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 18 | 19,40 | 108 |
| 5 | Lao động bình quân | Người | 1.100 | 900 | 82 |
| 6 | Đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 21 | 7,70 | 36,7 |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức | % | 0 | 0 | 0 |

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tập trung thực hiện hoàn thành Dự án xi măng Xuân Thành III, tiếp tục triển khai Dự án trạm nghiền xi măng Xuân Thành, Dự án nâng cấp vỏ máy nghiền xi măng số 2 – Công ty xi măng Nghi Sơn. Tiếp tục mở rộng, thực hiện tốt các Dự án xuất khẩu như: Takraf, Schade, SMS, PHB,... đảm bảo được chất lượng đáp ứng tốt các yêu cầu của chủ đầu tư.

2. Công tác đầu tư phát triển.

Với kế hoạch đầu tư năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Công tác đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị được triển khai phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, đáp ứng phục vụ kịp thời cho thi công.

Thực hiện việc hợp tác với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP về việc triển khai thực hiện dự án gia công chế tạo kết cấu thép xuất khẩu - H2GS. Công ty đã và đang triển khai các thủ tục về đầu tư điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị Lilama 69-3 với các nội dung như sau:

- Tên dự án: NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ LILAMA 69-3.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần LILAMA 69-3
- Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh dự án: Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn và xúc tiến đầu tư – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương.
- Mục tiêu dự án: Chế tạo thiết bị, kết cấu thép cho nhà máy sản xuất xi măng, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Quy mô, sản phẩm cung cấp:
 - + Chế tạo thiết bị; kết cấu thép cho nhà máy sản xuất xi măng, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng: 15.000 tấn sản phẩm/năm.
 - + Cho thuê nhà xưởng.
- Tổng diện tích đất thuê: 110.000 m² (Không thay đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS279813 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/3/2020).

- Tổng mức đầu tư mới: 138.500.000.000 đồng.

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Hạng mục đầu tư | Tổng tiền | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------------------|---------|
| 1 | Chi phí xây dựng | 111.243.200.000 | |
| 2 | Chi phí thiết bị | 11.963.250.000 | |
| 3 | Chi phí tư vấn | 6.443.550.000 | |
| 4 | Chi phí khác | 6.150.000.000 | |
| 5 | Chi phí dự phòng | 1.200.000.000 | |
| 6 | Vốn lưu động | 1.500.000.000 | |
| | Tổng vốn đầu tư làm tròn | 138.500.000.000 | |

- Nguồn vốn đầu tư là: 138.500.000.000 đồng, trong đó:

♦ Vốn vay TM, Thuê tài chính: 42.000.000.000 đồng.

♦ Vốn tự có: 96.500.000.000 đồng.

- Địa điểm: xã Quang phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Tiến độ thực hiện:

Thi công hoàn thành đưa dự án vào hoạt động trong thời gian 18 tháng kể từ ngày được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án

3. Công tác thị trường.

Ngoài các hợp đồng chuyển tiếp của năm 2022 sang. Năm 2023 Công ty đã tìm kiếm, ký kết các hợp đồng trong nước và xuất khẩu về gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị, sửa chữa bảo dưỡng với giá trị khoảng 625 tỷ đồng, trong đó giá trị hợp đồng xuất khẩu khoảng 6,6 triệu USD (khoảng 160 tỷ đồng)

4. Công tác quản lý tài chính:

Hội đồng quản trị đã xem xét, cân đối tình hình hoạt động SXKD, phê duyệt thông qua kế hoạch hạn mức vay vốn tín dụng năm 2023 với các tổ chức tín dụng, đồng thời đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đáp ứng đầy đủ nguồn vốn cho SXKD, đầu tư. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại đơn vị.

5. Lương, thù lao của HĐQT:

Tổng mức tiền lương chuyên trách, thù lao của HĐQT năm 2023 là 468.000.000 đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chức danh | Số người | Số tháng | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | % TH/ KH 2023 |
|----|---|----------|----------|--------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Hội đồng quản trị (Hoạt động chuyên trách) | 1 | 12 | 324.000.000 | 324.000.000 | 100 |
| 2 | Thành viên HĐQT (Hoạt động không chuyên trách) | 4 | 12 | 144.000.000 | 144.000.000 | 100 |
| | Tổng cộng | | | 468.000.000 | 468.000.000 | |

(Bảng chi tiết tiền lương, thù lao kèm theo)

6. Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năm 2023 HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo quy định: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; tổ chức họp HĐQT 31 phiên, ban hành 35 nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Các biên bản, nghị quyết của HĐQT tuân thủ đúng Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty.

Hàng quý, HĐQT tổ chức họp định kỳ, đánh giá hoạt động SXKD, đầu tư của Công ty nhằm kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Họp đột xuất khác theo đề nghị trình của Tổng giám đốc, đáp ứng kịp thời cho công tác điều hành hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán đã được thông qua. Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

8. Công tác tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc, nâng cao quản trị doanh nghiệp.

Quyết định bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Quốc Khánh, Kỹ sư kinh tế; Thạc sỹ QTKD quốc tế.

Quyết định bổ nhiệm có thời hạn chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Mạnh Cường, Kỹ sư công nghệ chế tạo máy ngành cơ khí.

Thành lập ban dự án lắp đặt dây chuyền sản xuất Clinker 6000T/d Hoàng Long, Hoà Bình.

Điều chỉnh Quy chế trả lương Công ty.

10. Hoạt động giám sát đối với Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

- Trong năm 2023, HĐQT thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty thông qua các quy chế quản lý nội bộ.

- Thực hiện vai trò giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành thực hiện công bố thông tin công khai minh bạch để cơ quan quản lý, cổ đông và người lao động nắm bắt, giám sát, kiểm soát hoạt động của Công ty.

- Giám sát và tổ chức triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị công ty.

- Giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư mua sắm đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Giám sát công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban điều hành đã duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Quản lý, điều hành tuân thủ các nghị quyết,

quyết định của ĐHCĐ, HĐQT cũng như tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Trên cơ sở các công trình đã ký Hợp đồng chuyển tiếp của năm 2023 và dự báo tình hình thị trường năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực hiện có. Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch SXKD phù hợp và phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu đề ra cao nhất, cụ thể các chỉ tiêu như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2024 | Ghi chú |
|----|--|---------|-------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 82,79 | |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 620 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 2,5 | |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 7 | |
| 5 | Lao động bình quân | Người | 900 | |
| 6 | Đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 150 | |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức dự kiến | % | 0 | |

Phương hướng và giải pháp thực hiện:

Tiếp tục tăng cường, mở rộng tìm kiếm việc làm trong nước, tăng tỷ trọng chế tạo thiết bị xuất khẩu, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Chỉ đạo, bám sát công tác tiếp thị, đấu thầu, chào giá để ký kết các hợp đồng mới đảm bảo có hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các dự án trọng điểm như: Dự án nhiệt điện Vũng Áng 1, Dự án gia công chế tạo kết cấu thép H2GS, Dự án Trạm nghiên cứu xi măng Xuân Thành, Dự án CHOPE Hoàng Long – Hoà Bình, Dự án xuất khẩu Schade, SMS,... đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký. Duy trì tốt công tác sửa chữa, bảo trì các nhà máy xi măng, không ngừng nâng cao uy tín, chất lượng dịch vụ cũng như tiến độ thi công.

Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Công ty.

2. Về công tác đầu tư:

Tập trung đẩy nhanh triển khai thực hiện Dự án Nhà máy CTTB Lilama 69-3, đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ có năng suất, chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển hiện nay cũng như nhu cầu cần thiết phục vụ cho SXKD của Công ty. Khai thác sử dụng, phát huy tối đa nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện có.

3. Về công tác tài chính, tái cấu trúc và các hoạt động quản trị khác.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh công tác thu hồi vốn các công trình, dự án thi công đã hoàn thành để đảm bảo đủ vốn cho SXKD, đẩy nhanh vòng quay của vốn, tiết kiệm tối đa các chi phí trong sản xuất và chi phí lãi vay.

- Thường xuyên rà soát các quy chế quản lý nội bộ trên cơ sở cập nhật các quy định hiện hành của pháp luật.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nội dung thuộc Đề án tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị Công ty theo nội dung đã phê duyệt.

- Chú trọng công tác quản trị nhân sự, tăng cường công tác tuyển dụng lao động; đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, điều chỉnh Quy chế lương, thưởng phù hợp, khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn, năng suất cao và gắn bó lâu dài với Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT Công ty CP LILAMA 69-3 năm 2023 và phương hướng hoạt động trong năm 2024. Thay mặt cho Hội đồng Quản trị trân trọng cảm ơn Ban Lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Ban điều hành Công ty và các quý vị Cổ đông đã dành tâm huyết, trí tuệ xây dựng Công ty trong thời gian qua. Do Công ty vẫn còn nhiều khó khăn tồn tại, vì vậy Hội đồng Quản trị rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, chia sẻ trong thời gian tới của các Quý cổ đông, đặc biệt là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, để Công ty khắc phục được các khó khăn tồn tại, đưa Công ty ngày một phát triển bền vững, gia tăng lợi nhuận đáp ứng nguyện vọng mong muốn của các Cổ đông.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét đóng góp ý kiến và thông qua báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA 69-3

Đỗ Trọng Toàn

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Đề án cơ cấu lại
Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lilama 69-3;

Căn cứ vào Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 35/CV-HĐQT, ngày 26/02/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về việc: Rà soát, xây dựng Đề án cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Lilama 69-3, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025 và giao cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

Nội dung chi tiết tại Đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024-2025 đính kèm.

Trân trọng kính trình! *7/24*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Trọng Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LILAMA69-3.,JSC

ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Địa chỉ: 515, đường Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: +84.02203.852.584 Fax: +84.02203.853.958

Web: <http://lilama69-3.com.vn>

Hải Dương, 4/2024



MỤC LỤC**TRANG**

| | |
|--|-----------|
| PHẦN I | 4 |
| TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI GIAI ĐOẠN 2021-2023 | 4 |
| I. Về tổ chức lao động | 4 |
| 1. Cơ cấu tổ chức..... | 4 |
| 2. Lao động..... | 5 |
| II. Các vấn đề về quản trị | 6 |
| 1. Cấu trúc quản trị của công ty..... | 6 |
| 2. Quản trị của công ty..... | 6 |
| 3. Đánh giá công tác quản trị hiện nay..... | 7 |
| III. Về ngành nghề kinh doanh | 7 |
| 1. Cơ cấu ngành nghề kinh doanh chính của Công ty (bình quân 3 năm):..... | 7 |
| 2. Đánh giá ngành nghề kinh doanh:..... | 7 |
| IV. Về tài chính | 10 |
| V. Về công tác đầu tư | 12 |
| 1. Tổng quan về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:..... | 12 |
| 2. Đánh giá:..... | 13 |
| VI. Về năng lực thiết bị | 13 |
| 1. Năng lực chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép..... | 13 |
| 2. Năng lực thi công xây lắp..... | 13 |
| 3. Đánh giá:..... | 13 |
| VII. Về công tác thị trường | 13 |
| 1. Những kết quả đã đạt được trong thời gian qua:..... | 13 |
| 2. Những tồn tại của công tác thị trường:..... | 14 |
| VIII. Về hợp tác quốc tế, xuất khẩu sản phẩm | 14 |
| 1. Về hợp tác quốc tế..... | 14 |
| 2. Công tác xuất nhập khẩu:..... | 15 |
| IX. Về hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và văn hóa doanh nghiệp | 16 |
| 1. Về hoạt động của tổ chức Đảng:..... | 16 |
| 2. Về hoạt động của tổ chức Công đoàn:..... | 16 |
| 3. Về hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên công ty..... | 17 |
| 4. Về văn hóa doanh nghiệp:..... | 17 |
| X. Quản trị sự thay đổi | 18 |
| XI. Đánh giá chiến lược hiện thời của công ty | 19 |
| PHẦN II | 20 |
| ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025 | 20 |
| 1. Khẳng định sứ mệnh, tầm nhìn của công ty đến năm 2025:..... | 20 |
| 2. Mục tiêu chiến lược của Công ty..... | 20 |
| 3. Chiến lược của Công ty đến năm 2025:..... | 23 |
| 4. Giải pháp thực hiện chiến lược..... | 23 |

| | |
|---|-----------|
| PHẦN III | 25 |
| NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025. | 25 |
| I. Sự cần thiết phải thực hiện cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản trị công ty. | 25 |
| II. Nội dung cơ cấu lại Công ty | 25 |
| 1. Ngành nghề kinh doanh..... | 25 |
| 2. Cơ cấu lại sở hữu và tài chính:..... | 27 |
| 3. Cơ cấu lại tổ chức..... | 28 |
| 4. Cơ cấu lại quản trị:..... | 29 |
| 5. Quản trị sự thay đổi..... | 31 |
| PHẦN IV. | 32 |
| KIẾN NGHỊ | 32 |

ĐỀ ÁN

CƠ CẤU LẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3 GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Căn cứ pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan;

- Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020 và một số nội dung điều chỉnh bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua;

- Căn cứ vào Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025;

- Thực hiện công văn số 35/CV-HĐQT ngày 26/02/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP v/v “Rà soát, xây dựng đề án cơ cấu lại công ty giai đoạn 2021-2025”

Công ty cổ phần Lilama 69-3 rà soát, xây dựng đề án cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2024-2025 cụ thể như sau:

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY:

Quá trình hình thành xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với ngành lắp máy Việt Nam.

Ngày 19/5/1961 công trường lắp máy Nhà máy nhiệt điện Ung Bí, tiền thân của Công ty cổ phần LILAMA 69-3, được thành lập. Trong giai đoạn này thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng CNXH ở miền Bắc, CBCNV công trường lắp máy Ung Bí đã vượt qua nhiều khó khăn trong thời chiến để xây dựng Nhà máy nhiệt điện Ung Bí, một trong những nhà máy cung cấp điện năng lớn nhất nước ta thập niên 60-70 thế kỷ trước.

Sau đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ngành lắp máy nhanh chóng được sắp xếp lại về tổ chức, hình thành các đơn vị mạnh chuyên về thi công lắp máy. Năm 1975 công trường lắp máy Ung Bí được sáp nhập với công trường lắp máy Cẩm Phả. Năm 1976 công trường lắp máy Ung Bí tiếp tục sáp nhập với công trường lắp máy Hà Bắc và đổi tên thành Xí nghiệp lắp máy số 6; công trường lắp máy Hoàng Thạch sáp nhập với công trường Ung Bí lấy tên là xí nghiệp lắp máy số 9. Năm 1979, thành lập Liên hợp lắp máy 69 gồm các Xí nghiệp Lắp máy: 69-1 (Phả Lại); 69-2 (Hải Phòng); 69-3 (Ung Bí); 69- 4 (Hoàng Thạch). Đến tháng 8 năm 1988, Xí nghiệp lắp máy 69-3 và 69-4 được sáp nhập thành Xí nghiệp lắp máy 69-3. Năm 1996 Tổng công ty lắp máy được thành lập, Xí nghiệp lắp máy 69-3 được đổi tên thành Công ty lắp máy & xây dựng 69-3.

Năm 2000 đến 2002 Công ty tiếp nhận 3 đơn vị thuộc sở Công nghiệp, Sở giao thông vận tải, Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hải Dương. Sau khi tiếp nhận, Công ty đã đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá ngành nghề, giải quyết việc làm và chế độ chính sách cho người lao động.

Ngày 06/3/2007 Bộ xây dựng ra quyết định số 351/QĐ-BXD chuyển Công ty lắp máy & xây dựng 69 - 3 thành Công ty cổ phần Lilama 69 -3. Hiện nay vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama 69-3 là 36%.

Công ty Cổ phần Lilama 69-3 là thành viên của Tổng công ty lắp máy Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Với hơn 60 năm kinh nghiệm và hàng trăm công trình, dự án lớn nhỏ đã thực hiện trên khắp cả nước. Hiện nay công ty đã vươn lên làm tổng thầu EPC các công trình, dự án; gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy công nghiệp và dân dụng, đặc biệt là nhà máy sản xuất xi măng, nhiệt điện; gia công chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu và đóng tàu pha sông biển có trọng tải đến 3000 tấn; duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy xi măng, nhiệt điện, chế biến thức ăn gia súc... Công ty đã giữ vững và ngày càng mở rộng thị trường, đảm bảo việc làm cho người lao động.

Hiện nay, phạm vi hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều tỉnh, thành phố như: Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Thái Bình, Hà Nam, Hòa Bình, Tây Ninh... Do đặc thù và điều kiện thi công phân tán nên công tác quản lý và điều hành sản xuất gặp nhiều khó khăn, phức tạp nhất là việc cung ứng vật tư, nhân lực, chăm lo đời sống, chăm sóc sức khỏe cho CBCNV ở các công trình xa trụ sở Công ty.

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN 2021-2023

I. Về tổ chức lao động

1. Cơ cấu tổ chức

1.1. Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty

- Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó có: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 04 thành viên kiêm nhiệm là Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc, 01 Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật.

- Ban kiểm soát: 03 thành viên, trong đó có: Trưởng ban kiểm soát chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm.

- Ban Tổng giám đốc gồm: Tổng giám đốc và 04 phó Tổng giám đốc.

- Các phòng nghiệp vụ gồm: 07 phòng, cụ thể:

1. Phòng Tổ chức - Nhân sự
2. Phòng Tài chính - Kế toán
3. Phòng Kinh tế - Kỹ thuật
4. Phòng Kế hoạch - Đầu tư
5. Phòng Vật tư
6. Phòng Quản lý thiết bị và an toàn
7. Phòng Hành chính

- Hai bộ phận: Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc: 03 nhà máy và 09 đội công trình.

Chi tiết tại Phụ lục số 01

1.2. Đánh giá sự phù hợp của cơ cấu tổ chức, ưu và nhược điểm của mô hình hiện tại.

1.3.1. Đánh giá sự phù hợp, ưu điểm của cơ cấu tổ chức, mô hình hiện tại.

Thời gian qua cơ cấu và mô hình này đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; phát huy hiệu quả hoạt động; các ý kiến chỉ đạo, điều hành từ trên xuống dưới được thực hiện một cách thống nhất, kịp thời.

1.3.2. Nhược điểm của cơ cấu tổ chức và mô hình hiện tại:

Hiện tại Công ty vẫn đang duy trì 3 nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép tại 3 địa điểm: Thành phố Hải Dương, huyện Kinh Môn, huyện Tứ Kỳ nên bộ máy tổ chức còn công kênh, phát sinh nhiều chi phí trung gian như bộ máy gián tiếp 3 nhà máy, chi phí vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, thiết bị thành phẩm.

2. Lao động

2.1. Cơ cấu lao động

| TT | Nội dung | LĐ tính tại thời điểm 31/12/2021 | | LĐ tính tại thời điểm 31/12/2022 | | LĐ tính tại thời điểm 31/12/2023 | | Ghi chú |
|----|--|----------------------------------|-----------|----------------------------------|-----------|----------------------------------|-----------|------------------------|
| | | Người | Tỷ lệ (%) | Người | Tỷ lệ (%) | Người | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Tổng số lao động | 1130 | | 993 | | 868 | | |
| 2 | Lao động trực tiếp | 992 | 87.79 | 864 | 87.01 | 752 | 86.64 | Tính trên tổng LĐ |
| 3 | Lao động gián tiếp | 138 | 12.21 | 129 | 12.99 | 116 | 13.36 | |
| 4 | Bậc thợ | | | | | | | |
| | - Thợ 1/7 - 4/7 | 503 | 50.71 | 416 | 48.15 | 293 | 38.96 | Tính trên LĐ trực tiếp |
| | - Thợ 5/7 - 7/7 | 335 | 33.77 | 301 | 34.84 | 321 | 42.69 | |
| 5 | Tuổi đời | | | | | | | |
| | - Từ 18 - < 25 | 44 | 3.89 | 41 | 4.13 | 21 | 2.42 | Tính trên tổng LĐ |
| | - Từ 25 - < 36 | 314 | 27.79 | 215 | 21.65 | 136 | 15.67 | |
| | - Từ 36 - < 45 | 440 | 38.94 | 413 | 41.59 | 343 | 39.52 | |
| | - Từ 45 trở lên | 332 | 29.38 | 324 | 32.63 | 368 | 42.40 | |
| 6 | Trình độ | | | | | | | |
| | - Trên Đại học | 7 | 0.62 | 7 | 0.70 | 7 | 0.81 | Tính trên tổng LĐ |
| | - Đại học | 178 | 15.75 | 165 | 16.62 | 152 | 17.51 | |
| | - Cao đẳng | 20 | 1.77 | 19 | 1.91 | 19 | 2.19 | |
| | - Trung cấp | 33 | 2.92 | 29 | 2.92 | 27 | 3.11 | |
| | - Sơ cấp, CNKT, Cao đẳng nghề, TC nghề | 714 | 63.19 | 655 | 65.96 | 570 | 65.67 | |
| | - Lao động khác | 178 | 15.75 | 118 | 11.88 | 93 | 10.71 | |

2.2. Đánh giá:

Lực lượng lao động có sự biến động mạnh, đặc biệt là công nhân trực tiếp, nguyên nhân:

- Điều kiện sản xuất của công ty phân tán, tính lưu động cao, người lao động luôn có tâm lý tìm việc làm tại các khu vực gần nơi cư trú; thị trường lao động ngày càng cạnh tranh, cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động dễ dàng hơn.

- Lực lượng lao động giảm theo từng năm, đặc biệt là lao động trực tiếp, trong khi đó lực lượng lao động gián tiếp giảm không đáng kể. Công ty đã thực hiện bố trí sắp xếp lại lao động, tinh giản lao động gián tiếp, tỷ lệ lao động gián tiếp đã giảm nhưng vẫn còn chưa hợp lý.

Với cơ cấu lao động như trên, việc tái cơ cấu lao động, sắp xếp lại nguồn lực lao động cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là việc làm cần thiết.

II. Các vấn đề về quản trị

1. Cấu trúc quản trị của công ty

1.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

1.2. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của Công ty theo quyền hạn của mình, thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế, quy định nội bộ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị công ty và pháp luật về thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

1.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông thực hiện quyền kiểm soát các hoạt động của công ty, bao gồm: Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

2. Quản trị của công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 82.793.610.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP chiếm 36 %, tỷ lệ vốn góp của các cổ đông khác là 64 %.

Trong quá trình hoạt động Công ty luôn tuân thủ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan về quản trị công ty. Công ty đã xây dựng Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị.

Ngoài ra, để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định, quy trình nhằm hoàn thiện, đồng bộ hóa hệ thống quản trị Công ty, góp phần quản trị Công ty một cách hiệu quả nhất.

3. Đánh giá công tác quản trị hiện nay

Đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các đơn vị đều thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo các văn bản quy định nội bộ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị, Điều lệ công ty và các văn bản quy phạm pháp luật.

Việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của người đại diện vốn với Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình hoạt động của Công ty được thực hiện đúng theo quy chế người đại diện vốn do Tổng công ty ban hành. Nội dung các báo cáo thường niên, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo... phù hợp với định hướng phát triển chung của Tổng công ty và công ty.

Việc giám sát, kiểm soát của Ban kiểm soát đối với các hoạt động của công ty được thực hiện theo định kỳ, đáp ứng yêu cầu, phù hợp với Điều lệ công ty, quy định hiện hành của pháp luật; trong quá trình kiểm soát công ty không có phát sinh cổ đông kiến nghị, khiếu nại.

Việc tổ chức bộ máy gián tiếp tại 3 nhà máy phân tán như hiện nay là chưa phù hợp đã làm tăng chi phí trung gian, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và điều hành.

III. Về ngành nghề kinh doanh:

1. Cơ cấu ngành nghề kinh doanh chính của Công ty (bình quân 3 năm):

- Gia công chế tạo thiết bị cơ khí chiếm 57% cơ cấu doanh thu của Công ty.

Trong đó:

+ Trong nước chiếm 38 % cơ cấu doanh thu của Công ty.

+ Xuất khẩu chiếm 19 % cơ cấu doanh thu của Công ty.

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị chiếm 18 % cơ cấu doanh thu của công ty.

- Dịch vụ xây lắp chiếm 25% cơ cấu doanh thu của công ty.

2. Đánh giá ngành nghề kinh doanh:

2.1. Về công tác gia công chế tạo thiết bị:

Với trên 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị phục vụ ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và khai thác mỏ nên Công ty đã có bề dày kinh nghiệm, đây cũng là một trong những thế mạnh và được Công ty phát triển trong những năm qua. Các dự án mà Công ty đã thực hiện hoàn thành và được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, tiến độ như dự án Nhà máy xi măng Xuân

Thành dây chuyền 2, 3 với khối lượng chế tạo mỗi dây chuyền 27.000 tấn và hoàn thành nhà máy đưa vào sử dụng trong khoảng thời gian 20 tháng mỗi dây chuyền. Thực hiện hoàn thành dự án chế tạo và lắp đặt hệ thống giếng đứng khai thác than dưới độ sâu âm 450m. Đây là một trong những dự án trọng điểm của ngành khai thác than mà Công ty đã liên danh với nhà thầu Siemens Tecberg sử dụng công nghệ hiện đại, thiết bị hoạt động ổn định và an toàn sau khi bàn giao cho chủ đầu tư Công ty Than Núi Béo đưa vào khai thác. Việc hoàn thành những công trình lớn trong thời gian ngắn đã khẳng định sự trưởng thành vượt bậc của đội ngũ công nhân và kỹ sư Công ty, tạo được uy tín và niềm tin đối với khách hàng trong và ngoài nước.

Trong những năm gần đây, Ban lãnh đạo Công ty đã định hướng và xây dựng chiến lược kinh doanh, sàng lọc và lựa chọn hướng phát triển phù hợp với năng lực và nhu cầu của thị trường, đặc biệt các ngành công nghiệp xi măng, nhiệt điện đốt than... đã bão hòa, các dự án đầu tư mới hầu như không còn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường việc làm của Công ty trong năm vừa qua và trong những năm tới. Đứng trước sự biến động của thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã xác định các hướng phát triển chủ lực là đẩy mạnh công tác sản xuất xuất khẩu chất lượng cao song hành với các lĩnh vực mà Công ty đã thể hiện được sự vượt trội trong thời gian qua.

Với trình độ tay nghề của công nhân, hệ thống máy móc đã đầu tư, quy trình quản lý ngày càng hoàn thiện Công ty đã dần khẳng định được sự đúng đắn trong việc lựa chọn hướng phát triển cho lĩnh vực sản xuất thiết bị xuất khẩu. Các khách hàng lớn trên thế giới ngày càng tin tưởng và trao những đơn hàng có giá trị lớn, gắn bó với Công ty và dần trở thành khách hàng truyền thống cùng hợp tác phát triển như: Tập đoàn ThyssenKrupp; Aumund trụ sở tại Cộng Hòa liên bang Đức; Tập đoàn Tenova S.p.A-Italy, Bedeschi trụ sở tại Italia.

Các sản phẩm chính trong thời gian qua Công ty đã chế tạo chủ yếu như sau:

- Thiết bị vận chuyển, nâng hạ: băng tải, gầu tải, vít tải, cầu trục, công trục.
- Thiết bị lọc bụi: Lọc bụi túi, lọc bụi tĩnh điện.
- Thiết bị bốc - xếp: Máy cào, rải liệu, rút liệu, đánh đồng, shiploader, shipunloader.
- Máy nghiền: nghiền liệu, nghiền than, nghiền clinker; máy đập, máy cán.
- Thiết bị lò nung clinker.
- Thiết bị cho nhà máy cán thép, nhiệt điện và công nghiệp khai khoáng.
- Các thiết bị cơ khí có độ chính xác cao.

Trong thời gian gần đây với các yêu cầu của thị trường, Công ty đã có sự chuẩn bị tốt và sẵn sàng thực hiện các đơn hàng có yêu cầu cao về kỹ thuật và chất lượng như gia công chế tạo, lắp đặt các hệ thống Nhiệt điện khí thải cho thị trường trong nước, sản xuất kết cấu thép trong ngành công nghiệp tách khí Hydro xuất khẩu...

*** Khó khăn:**

- Cạnh tranh gay gắt bởi các doanh nghiệp Trung Quốc và các doanh nghiệp cùng ngành trong nước.

- Nguyên vật liệu phần lớn nhập từ nước ngoài, giá cả biến động, thời gian nhập vật tư kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ công trình nên việc cạnh tranh với các đối tác trong khu vực khó khăn, nhất là với các đối tác đến từ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc...

- Chủng loại sản phẩm đa dạng, phức tạp; việc 3 nhà máy nằm phân tán tại 3 nơi cách xa nhau nên bộ máy quản lý còn cồng kềnh, làm tăng chi phí trung gian; máy móc, thiết bị không tập trung đồng bộ, ảnh hưởng đến việc chế tạo; vốn sử dụng lớn, chi phí lãi vay cao nên ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về lĩnh vực này công ty sẽ thực hiện sắp xếp lại các nhà máy để hoạt động có hiệu quả hơn.

2.2. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị:

Đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty được khách hàng đánh giá cao, tạo việc làm ổn định hàng năm, chiếm bình quân 19% doanh thu của Công ty, vốn sử dụng ít, chủ yếu là chi phí nhân công, thời gian thi công nhanh, việc thu hồi vốn cũng thuận lợi hơn.

Công ty hiện đang đảm nhận các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng của hầu hết các dây chuyền nhà máy xi măng lớn trong nước như: xi măng Hoàng Thạch, xi măng Nghi Sơn, Chinfon, Hải Phòng, Đồng Lâm, Fico... Doanh thu dịch vụ sửa chữa, bảo trì bình quân 5 năm (từ 2019 - 2023) đạt trung bình trên là 120 tỷ đồng/năm

Về xu hướng các nhà máy hoạt động với thời gian vận hành lâu thì việc sửa chữa, thay phụ tùng là rất lớn.

*** Khó khăn:**

- Do sự cạnh tranh gay gắt của ngành dịch vụ công nghiệp, giá dịch vụ có xu hướng giảm.

- Thời gian sửa chữa cho các nhà máy thường rất gấp và một năm chỉ sửa chữa lớn khoảng 2 đợt, việc sửa chữa đòi hỏi số lượng nhân lực lớn nên khó khăn cho việc huy động nhân lực.

-Việc tiêu thụ sản phẩm xi măng gặp khó khăn, nhiều dây chuyền dừng sản xuất, chủ đầu tư tự thực hiện được một số việc nên khối lượng sửa chữa, thay thế có xu hướng giảm...

2.3. Lĩnh vực xây lắp:

Với trên 60 năm kinh nghiệm Công ty đã có uy tín trong việc thực hiện thành công các dự án lớn trọng điểm của quốc gia, điển hình như: Dự án xi măng Hoàng Thạch, xi măng Nghi Sơn, xi măng Sông Thao, xi măng Thăng Long, xi măng Tân Thắng, Xi măng Xuân Thành, Nhiệt điện Phả Lại, nhiệt điện Uông Bí, Nhiệt điện Vũng Áng, nhiệt điện Mông Dương, Nhiệt điện Thái Bình, Nghi Sơn, Sông Hậu. Tuyển than Cửa Ông, than Hòn Gai; Than Vàng danh, Núi Béo. Thép Hòa Phát, Lọc dầu Nghi Sơn... Việc hoàn thành các dự án này đã được chủ đầu tư, đại diện tổng thầu và chuyên gia nước ngoài đánh giá cao.

Tuy nhiên với sự chững lại của thị trường trong nước, các dự án mới không còn nhiều nên công tác lắp đặt hiện nay bị suy giảm, do đó Công ty sẽ phải có kế hoạch điều chỉnh, cân đối lực lượng cho các lĩnh vực khác.

IV. Về tài chính

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản được thực hiện qua các năm như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----|--------------------------------------|------------|----------|----------|----------|
| 1 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 771.088 | 893.778 | 600.169 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | Triệu đồng | 728.237 | 891.748 | 553.488 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | Triệu đồng | 42.850 | 2.030 | 46.681 |
| 4 | Chi phí quản lý DN | Triệu đồng | 19.604 | 21.055 | 21.116 |
| 5 | Doanh thu hoạt động tài chính | Triệu đồng | 701 | 1.487 | 1.439 |
| 6 | Chi phí tài chính | Triệu đồng | 23.175 | 27.885 | 25.268 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | Triệu đồng | 22.507 | 25.997 | 23.190 |
| 7 | Lợi nhuận thuần | Triệu đồng | 772 | (45.422) | 1.736 |
| 8 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 2.856 | (46.133) | 7.006 |
| 9 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 815.604 | 694.212 | 446.330 |
| | <i>Trong đó: Phải thu khách hàng</i> | Triệu đồng | 199.492 | 276.989 | 195.142 |
| 10 | Tổng nợ phải trả | Triệu đồng | 708.009 | 635.406 | 383.846 |
| | <i>Trong đó: Vay ngắn hạn</i> | Triệu đồng | 390.219 | 325.676 | 214.599 |
| | <i>Vay dài hạn</i> | Triệu đồng | 1.526 | 5.679 | 9.174 |
| 11 | Vốn chủ sở hữu | Triệu đồng | 106.977 | 58.241 | 62.083 |
| | <i>Trong đó: Vốn điều lệ</i> | Triệu đồng | 82.794 | 82.794 | 82.794 |
| 12 | Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 2,67 | -79,2 | 11,3 |
| 13 | Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | % | 0,37 | -5,16 | 1,17 |
| 14 | Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | Lần | 0,87 | 0,91 | 0,86 |
| 15 | Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | Lần | 0,13 | 0,08 | 0,14 |
| 16 | Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,01 | 1,00 | 1,00 |
| 17 | Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,44 | 0,54 | 0,69 |

Đánh giá chung các chỉ tiêu tài chính:

*** Doanh thu và lợi nhuận:**

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 diễn ra từ năm 2020 - 2022; cùng sự biến động phức tạp của nền kinh tế, chính trị thế giới và thị trường trong nước, từ cuối năm 2020 đến 2022 giá cả sắt thép và nguyên liệu đầu vào khác liên tục tăng cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả của lĩnh vực gia công chế tạo (Dự án gia công chế tạo lắp đặt dây chuyền 3 Nhà máy xi măng Xuân Thành, Dự án chế tạo thiết bị xuất khẩu Takraf Ấn Độ) dẫn đến doanh thu năm 2022 tăng so với năm 2021 nhưng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 bị lỗ 46,1 tỷ đồng.

Năm 2023, để khắc phục tình trạng trên, tại Đại hội cổ đông năm 2023 đã thông qua phương án dùng nguồn từ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, tổng là 22,1 tỷ đồng để bù đắp kết quả kinh doanh năm 2022; Công ty vẫn duy trì doanh thu ổn định từ việc thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng cho các dây chuyền công nghiệp. Tiếp tục tìm kiếm và ký các hợp đồng gia công, chế tạo, lắp đặt mới, tăng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu. Mặc dù doanh thu năm 2023 đạt 600 tỷ đồng, giảm so với năm 2022, 2021 nhưng lợi nhuận sau thuế đạt 3,84 tỷ đồng, bù đắp một phần kết quả kinh doanh năm 2022, hiệu quả kinh doanh tăng đáng kể so với các năm trước (thể hiện thông qua các tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn chủ sở hữu và lợi nhuận trước thuế/doanh thu).

*** Tài sản:**

Trong tổng tài sản của Công ty, số nợ phải thu khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn: Dư nợ phải thu khách hàng 31/12/2021 là 199,49 tỷ đồng, bằng 24,5% tổng tài sản; 31/12/2022 là 276,99 tỷ đồng bằng 39,9% tổng tài sản và 31/12/2023 là 195,14 tỷ đồng, bằng 43,72% tổng tài sản; hàng tồn kho chiếm tỷ trọng khá cao, cụ thể năm 2021 là 377,5 tỷ đồng, năm 2022 là 257,2 tỷ đồng đã ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, năm 2023 hàng tồn kho đã giảm còn 95,7 tỷ đồng.

*** Nguồn vốn:**

Trong tổng nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng cao, trong đó chủ yếu là vốn vay và nợ phải trả các nhà cung cấp. Đối với doanh nghiệp xây lắp, thời gian thi công các hợp đồng kéo dài, thời gian chờ thanh toán chi phí bảo hành từ 5%-10% thường từ 12 tháng - 36 tháng. Nguồn vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng thấp đã gây khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thể hiện hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cao, cụ thể năm 2021 hệ số nợ là 6,6 lần, năm 2022 là 10,8 lần và năm 2023 là 6,1 lần. Do hệ số nợ cao dẫn đến tính tự chủ về tài chính của công ty thấp và phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, chi phí lãi vay cao.

Chi phí lãi vay cao dẫn đến việc ảnh hưởng của chính sách thuế theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Nghị định 132/2020/NĐ-CP loại trừ chi phí lãi vay trong giao dịch liên kết, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng cao không phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng lớn đến năng lực tài chính, gây áp lực về lựa chọn tổ chức tín dụng trong công tác huy động vốn. (Tổng số thuế TNDN phải nộp do loại trừ chi phí lãi vay từ năm 2018 – 2021 là 13,3 tỷ đồng)

Tình hình nợ vay của công ty 31/12/2023 đã giảm so với 31/12/2022 nhưng vẫn còn cao, cụ thể như sau:

- Số dư nợ vay ngắn hạn : 211,21 tỷ đồng
- Số dư nợ vay dài hạn : 12,56 tỷ đồng.

Chi tiết tại **Phu lục số: 02**

Chi phí lãi vay có giảm về số tuyệt đối, tuy nhiên tỷ lệ khoản mục chi phí này trên doanh thu còn ở mức cao: Chi phí lãi vay/Doanh thu năm 2021 là 2,92%, năm 2022 là 2,91%, năm 2023 là 3,86%.

*** Khả năng thanh toán:**

Các chỉ số về khả năng thanh toán như trên thể hiện khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành của Công ty đã được cải thiện và đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn. Tuy nhiên việc tồn tại số dư công nợ phải thu khách hàng lớn, hàng tồn kho cao trong thời gian dài tiềm ẩn khả năng khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Qua các chỉ tiêu tài chính cơ bản trên, có thể thấy tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện song vẫn gặp nhiều khó khăn. Việc tái cơ cấu là cần thiết để lành mạnh hóa tình hình tài chính, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

V. Về công tác đầu tư

1. Tổng quan về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng hợp các dự án đã đầu tư xây dựng:

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên dự án | Địa điểm | Tổng mức đầu tư | Hoạt động | Thời gian đưa vào sử dụng |
|----|---|---|-----------------|--|---------------------------|
| 1 | Dự án mở rộng nhà máy chế tạo thiết bị Hải Dương | Số 515 - Điện Biên Phủ - phường Bình Hàn - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương | 49.320 | Gia công, chế tạo thiết bị | 2005 |
| 2 | Dự án đầu tư xây dựng nhà máy CTTB & Đóng tàu LILAMA 69-3 | 103 đường Nguyễn Trãi, Phường An Lưu - Thị xã Kinh Môn - tỉnh Hải Dương | 16.820 | Gia công, chế tạo thiết bị, đóng mới và sửa chữa tàu | 2007 |
| 3 | Dự án đầu tư xây dựng nhà máy CTTB LILAMA 69-3 | xã Quang Phục - huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương. | 195.460 | Gia công, chế tạo thiết bị | 2015 |

2. Đánh giá:

- Các dự án đầu tư được triển khai phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và đã phát huy được hiệu quả cao sau khi đầu tư, việc đầu tư được thực hiện tiết kiệm, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Các dự án đầu tư được thực hiện theo đúng các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, luật đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước có liên quan.

*** Hạn chế:**

- Thực trạng các nhà máy hiện nay đang phân tán nên bộ máy công kênh, chi phí quản lý của các nhà máy lớn, máy móc thiết bị không đồng bộ tập trung nên việc sản xuất gặp nhiều khó khăn, phát sinh thêm nhiều chi phí.

- Giá thuê đất trong thời gian gần đây tăng đang là một khó khăn đối với Công ty.

VI. Về năng lực thiết bị

Đề đáp ứng được hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đầu tư tương đối đầy đủ hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản cố định - theo nguyên giá đến 31/12/2023 là 352,072 tỷ đồng

1. Năng lực chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép

Các loại máy móc, thiết bị được liệt kê chi tiết tại Phụ lục số 04 phần A

2. Năng lực thi công xây lắp

Các loại máy móc, thiết bị được liệt kê chi tiết tại Phụ lục số 04 phần B

3. Đánh giá:

Điểm mạnh: Công ty đã trang bị tương đối đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ thi công đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về mặt kỹ thuật, các tiêu chuẩn tiên tiến của các nước phát triển như ASTM, ASME, DIN, JIS, AWS... đối với sản phẩm kết cấu thép và thiết bị phi tiêu chuẩn. Điển hình là đầu tư máy thi công đặc chủng như máy lốc 4 trục hiện đại hàng đầu Việt Nam, máy gia công mặt phẳng, máy doa CNC, máy cắt CNC, robot hàn, máy cắt Laser 12 kw... để phục vụ cho các dự án xuất khẩu.

Điểm yếu:

Một số thiết bị cơ khí thuộc thế hệ cũ nên các thông số kỹ thuật, độ chính xác không cao.

VII. Về công tác thị trường:

1. Những kết quả đã đạt được trong thời gian qua:

1.1. Thị trường trong nước

- Bên cạnh các công trình, dự án do Tổng công ty giao, Công ty đã chủ động tiếp cận và tìm kiếm được một số khách hàng mới, mang lại các hợp đồng/đơn hàng có giá trị lớn.

- Việc chế tạo, lắp đặt thiết bị dây chuyền sản xuất xi măng thời gian trước luôn là lĩnh vực truyền thống và Công ty thường xuyên được các chủ đầu tư tin tưởng trao hợp đồng. Tuy nhiên với sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ hiện nay dẫn đến ngành công nghiệp xi măng bị ảnh hưởng lớn. Từ đầu năm 2023 đến nay chưa có dự án lớn nào được triển khai ngoài một số việc lắp đặt nhà máy xi măng công suất vừa và nhỏ của doanh nghiệp tư nhân.

- Về sửa chữa, bảo dưỡng: Công ty giữ vững thị trường bảo dưỡng, sửa chữa, hoán cải các nhà máy xi măng. Bên cạnh đó Công ty phát triển thêm lĩnh vực bảo dưỡng nhà máy thép.

- Với các lĩnh vực gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy thép, khai thác than công ty vẫn luôn được khách hàng tin tưởng và hợp tác thành công. Điển hình như hoàn thành hợp đồng chế tạo và lắp đặt lò cao - Thép Hòa phát, hoàn thành dự án Giếng đứng khai thác than Núi Béo.

1.2. Thị trường xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài:

Ngoài các khách hàng thân thiết có sự hợp tác tốt trong giai đoạn 2005 đến 2015 như: Polysius AG; Loesche (Đức); FLSmidth (Đan Mạch) vẫn tiếp tục duy trì. Công ty đã tiếp cận và ký kết hợp đồng với nhiều khách hàng, đối tác lớn khác trong giai đoạn từ 2015 đến nay. Các khách hàng này đã trở thành khách hàng thường xuyên và đối tác chiến lược của Công ty hiện nay như: Tập đoàn ThyssenKrupp; Aumund trụ sở tại Cộng Hòa liên bang Đức; Tập đoàn Tenova S.p.A-Italy, Bedeschi trụ sở tại Italia ... và một số đối tác khác.

Doanh thu của Công ty trong 03 năm gần đây (2021 - 2023):

Chi tiết tại **Phụ lục số: 05**

2. Những tồn tại của công tác thị trường:

- Công tác tiếp thị, điều tra nhu cầu và dự báo thị trường trong nước chưa kịp thời, chưa sâu rộng, còn thụ động, hiệu quả chưa cao.

- Về thị trường khai thác chưa đồng đều, chỉ khai thác được thị trường miền Bắc; còn thị trường miền Trung và miền Nam rất hạn chế.

- Công tác nghiên cứu và đánh giá khả năng của đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước còn yếu, thiếu thông tin.

- Trình độ ngoại ngữ, chuyên đổi số còn hạn chế, dẫn đến rất khó khăn trong việc tiếp cận quảng bá và giới thiệu sản phẩm với các đối tác nước ngoài.

VIII. Về hợp tác quốc tế, xuất khẩu sản phẩm.

1. Về hợp tác quốc tế

- *Về đối tác:* tập trung ưu tiên các đối tác/ khách hàng có mối quan hệ truyền thống đã có sự hợp tác thành công trong thời gian qua, Công ty đã mở rộng thị trường sang các đối tác khu vực Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ... để nâng kim ngạch hợp tác xuất khẩu. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quảng bá sản phẩm mở rộng thêm các khách hàng và thị trường mới.

- *Lĩnh vực hợp tác:* xuất khẩu các sản phẩm cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng, khai khoáng, sản xuất thép... Trong đó, sẽ từng bước nghiên cứu, đầu tư để tăng tỷ lệ các sản phẩm là thiết bị đồng bộ như: van; lọc bụi túi; vít tải, băng tải, máng khí động... Các thiết bị có độ chính xác, yêu cầu kỹ thuật, hàm lượng công nghệ và giá trị cao: vỏ máy nghiền; vỏ lò nung; thiết bị kho, thiết bị bốc - xếp (stacker, reclaim, ship loader và ship-unloader); máy đập búa,... giảm dần các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, các kết cấu đơn giản và không có lợi thế cạnh tranh.

2. Công tác xuất nhập khẩu:

Những kết quả đã đạt được trong thời gian qua và Bảng tổng hợp kim ngạch và sản phẩm xuất khẩu, thị trường xuất khẩu trong 03 năm gần đây (2021-2023) được thể hiện chi tiết tại **Phụ lục số: 06**

*** Đánh giá kết quả đạt được:**

Trong những năm gần đây, ngoài việc tiếp tục thực hiện gia công, chế tạo lắp đặt cho các dự án, khách hàng trong nước, Công ty đã và đang hợp tác tốt với một số công ty, tập đoàn công nghiệp lớn của nước ngoài, từng bước khẳng định khả năng và vị thế của mình. Cụ thể:

+ Từ việc chỉ cung cấp, chế tạo được các sản phẩm yêu cầu kỹ thuật không khắt khe, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng thấp, đến nay Công ty có thể thực hiện các dự án đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn Châu Âu, Nhật và Mỹ... và cung cấp các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật và hàm lượng công nghệ khá cao, chiếm tỷ trọng lớn cả về khối lượng và công nghệ trong sản phẩm hoàn chỉnh như thiết bị quay, di chuyển trong các máy stacker, Reclaimer, shiploader

+ Một số hãng/tập đoàn lớn đã tin tưởng và hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật, hàm lượng công nghệ cao, thay thế việc thực hiện tại chính hãng được thực hiện trong thời gian qua.

+ Hầu hết các sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và tiến độ.

+ Các yếu tố trên là điều kiện cần thiết và là tiền đề vô cùng quan trọng mà Công ty cần phát huy hơn nữa trong thời gian tới để khẳng định thêm vị thế của mình. Công ty tiếp tục theo đuổi và tìm kiếm cơ hội để trở thành các mắt xích quan trọng của các Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước.

*** Khó khăn và tồn tại:**

Các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước còn yếu và thiếu, cụ thể:

- Vật tư để phục vụ gia công chế tạo chủ yếu là thép, hợp kim thép, đồng ... Việt Nam đều chưa đáp ứng về chủng loại và tiêu chuẩn dự án. Phần lớn vật liệu mác cao vẫn phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan, Singapo, nhật bản và châu âu... So với đối thủ cạnh tranh từ Trung Quốc và một số nước trong khu vực thì tiến độ của công ty thường chậm hơn từ 1,5 đến 2 tháng do mất thời gian nhập khẩu vật tư. Đây là cản trở lớn nhất đối với công tác xuất khẩu của công ty trong thời gian qua.

- Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển nội địa và vận chuyển quốc tế cũng rất hạn chế, chi phí vận chuyển quốc tế tại các cảng Việt Nam thường cao hơn các nước trong khu vực nên khó cạnh tranh.

- Chi phí tài chính, lãi suất ngân hàng còn cao nên khó khăn trong việc huy động vốn thực hiện dự án.

- Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty cùng ngành nghề đẩy giá trúng thầu thấp, việc tích lũy tài chính để tái đầu tư còn rất yếu dẫn đến công nghệ sản xuất còn lạc hậu hơn so với các đối thủ trên thế giới.

- Nhân lực trẻ, chất lượng cao cho ngành cơ khí chế tạo ngày càng suy giảm.

IX. Về hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và văn hóa doanh nghiệp.

1. Về hoạt động của tổ chức Đảng:

Đảng bộ Công ty cổ phần Lilama 69-3 trực thuộc Đảng bộ thành phố Hải Dương, số đảng viên trong Đảng bộ hiện nay (15/3/2024) là 174 đồng chí, trong đó đảng viên nữ là 35 đồng chí, chiếm 20,1 %, số chi bộ trực thuộc là 7 chi bộ.

Với chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động và tuyên truyền vận động các thành viên trong Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng Công ty phát triển bền vững, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh, góp phần phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh, Đảng bộ Công ty có nhiệm vụ sau:

- Lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, quốc phòng, an ninh;
- Lãnh đạo công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và người lao động trong doanh nghiệp;
- Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội;
- Tham gia về công tác tổ chức, cán bộ;
- Lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng.

Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của tổ chức đảng trong công ty, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty cổ phần Lilama 69-3 đã xây dựng và nghiêm túc triển khai thực hiện Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ trên cơ sở các quy định của Ban Chấp hành

2. Về hoạt động của tổ chức Công đoàn:

Công đoàn Công ty cổ phần Lilama 69-3 là công đoàn cơ sở, trực thuộc Công đoàn Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở nhiệm kỳ (2023-2028) gồm 11 đồng chí, Ban Thường vụ có 03 đồng chí, UBKT có 03 đồng chí; có 13 công đoàn bộ phận và 01 tổ công đoàn trực thuộc; tổng số đoàn viên công đoàn là trên 800 đoàn viên (tính đến 15/3/2024). Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp, Công đoàn Công ty cổ phần Lilama 69-3 đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ban Chấp hành công đoàn Công ty phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hội nghị người lao động, điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại doanh nghiệp;

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; kịp thời phát hiện và xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh tại đơn vị theo quy định của pháp luật;

- Luôn sát cánh cùng doanh nghiệp và người lao động, giúp ổn định quan hệ lao động hài hòa, vì sự phát triển bền vững của Công ty, thực sự là cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động;

- Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ làm công tác đoàn thể.

3. Về hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên công ty

Đoàn thanh niên công ty cổ phần Lilama 69-3 trực thuộc Thành Đoàn thành phố Hải Dương. Tính đến thời điểm hiện tại, Đoàn thanh niên công ty có 86 đoàn viên và 05 chi đoàn trực thuộc.

Đây là lực lượng lao động trẻ, những năm gần đây số lượng đoàn viên thanh niên liên tục giảm mạnh do số lao động tuyển dụng vào thì ít mà số lao động hết tuổi đoàn ngày càng nhiều.

Phát huy tính xung kích của thế hệ trẻ, đoàn viên Đoàn thanh niên Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị sau:

- Thực hiện các chương trình hành động trách nhiệm xã hội, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động trong tuổi Đoàn. Kết hợp với Công đoàn Công ty tổ chức những chương trình hành động mang tính cộng đồng, nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó với Doanh nghiệp của những lao động trẻ. Tổ chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đoàn Thanh niên tích cực hưởng ứng các chương trình nhân đạo cấp Tỉnh, cấp Khối trên địa bàn nơi đơn vị đóng quân, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong sản xuất kinh doanh, Đoàn TN Công ty là lực lượng chủ chốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sáng tạo kỹ thuật, làm chủ nhiều công trình thiết kế có giá trị nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong những năm qua.

4. Về văn hóa doanh nghiệp:

4.1. Chất lượng khảng định niềm tin, phát triển thương hiệu

Mục tiêu lấy uy tín, chất lượng làm hàng đầu, Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:20015, Chương trình 5S đã và đang được áp dụng từ các phòng ban chuyên môn đến các tổ đội sản xuất, đặc biệt quan tâm áp dụng tại các công trường đang thi công đã mang lại lợi ích đáng kể, tạo môi trường sạch sẽ, gọn gàng, giúp CBCNV làm việc năng động, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và an toàn.

Tập trung và việc phát triển lĩnh vực sản xuất thiết bị có độ chính xác cao, chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ Với các thành tích đã đạt được, công ty đã được các tổ chức uy tín trên thế giới cấp chứng chỉ chứng nhận như: ASME, EN1090, ISO3834

4.2. Phát huy truyền thống của doanh nghiệp và giá trị con người:

Phát huy truyền thống tốt đẹp của Lilama 69-3 hơn 60 năm xây dựng và phát triển, bắt nhịp với xu thế hội nhập và phát triển, cổ đông, người lao động của LILAMA 69-3 đã không ngừng tích cực vun đắp, xây dựng và bảo vệ văn hóa LILAMA 69-3 bao gồm các tiêu chí có giá trị cốt lõi sau:

- Lấy khách hàng làm trung tâm, là yếu tố hàng đầu để quyết định thành công của doanh nghiệp, các thành viên của Lilama 69-3 giao tiếp với khách hàng lịch sự, nhiệt tình, thân thiện, giữ chữ tín và đảm bảo sự chuyên nghiệp.

- Luôn tuân thủ các thỏa thuận đã cam kết với khách hàng trên nguyên tắc đúng pháp luật, hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hướng đến sự hợp tác lâu dài và cùng phát triển nên tạo được lòng tin đối với khách hàng trong nước và ngoài nước.

- Đoàn kết, tôn trọng đạo đức xã hội và pháp luật: Công ty hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau, có tính hệ thống cao, do đó phải hết sức coi trọng phát triển sự đoàn kết hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các đơn vị cũng như từng người lao động trong Công ty, trên tinh thần trung thực, đạo đức xã hội và tuân thủ mọi chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước.

- Tác phong công nghiệp: luôn tuân thủ nghiêm ngặt tính kỷ luật, ý thức tổ chức trong việc thực hiện các nội quy, quy chế, quy trình, quy phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và trong đời sống sinh hoạt. Nâng cao khả năng làm việc nhóm, tuân thủ việc phối hợp với đồng nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân, đơn vị, công ty. Khuyến khích các thành viên luôn nỗ lực, sáng tạo, không ngừng nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Xây dựng môi trường lao động ổn định hài hòa, tiến bộ: Mọi người trong doanh nghiệp luôn được tôn trọng, tạo sự công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ cả vật chất lẫn tinh thần, khuyến khích các tài năng phát huy hết năng lực, thể mạnh, kịp thời phát hiện, trọng dụng và tạo cơ hội thăng tiến cho các cá nhân có năng lực thực sự, có tâm huyết với LILAMA 69-3.

X. Quản trị sự thay đổi

Một số nội dung về quản trị sự thay đổi đã thực hiện trong thời gian qua:

- Về bộ máy tổ chức, nhân sự tại các phòng ban đơn vị đã tương đối tinh gọn. Tuy nhiên vẫn còn Nhà máy CTTB và đóng tàu Lilama 69-3, Nhà máy CTTB Hải Dương chưa thực hiện được việc di chuyển về sản xuất tập trung tại Nhà máy CTTB Lilama 69-3 nên vẫn còn lao động trung gian tại các ban thuộc Nhà máy và lực lượng bảo vệ.

- Để đảm bảo ổn định phát triển sản xuất kinh doanh lâu dài, Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng Nhà máy CTTB LILAMA 69-3 giai đoạn 1, tại huyện Tứ Kỳ, Hải Dương. Hiện nay, Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư nâng cấp nhà máy giai đoạn 2 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực chế tạo thiết bị xuất khẩu.

- Về ngành nghề kinh doanh:

+ Duy trì đội ngũ thiết kế vừa đủ để phục vụ công tác chế tạo, cải tạo, bảo dưỡng thay thế nhỏ gắn liền với công việc hiện nay của công ty. Với các dự án có yêu cầu cao về chất lượng và số lượng kỹ sư thiết kế thì công ty sẽ liên kết với các đối tác có uy tín trong nước để thực hiện đảm bảo sự chuyên nghiệp và năng xuất hơn. Việc hợp tác này đã được công ty thực hiện trong thời gian qua và cho thấy sự hiệu quả tốt.

+ Tiếp tục hợp tác với các đối tác, tập đoàn, công ty trong nước để thực hiện các dự án mà Công ty có lợi thế cạnh tranh. Đồng thời tiếp cận và theo thầu các dự án trong lĩnh vực nhiệt điện khí thải, nhà máy xử lý rác

+ Thu hẹp lĩnh vực đóng mới tàu pha sông biển và dịch vụ sửa chữa tàu để tập trung cho mở rộng hoạt động chế tạo thiết bị xuất khẩu.

- Mở rộng hợp tác với các tập đoàn nước ngoài như: Tập đoàn ThyssenKrupp; Aumund trụ sở tại Cộng Hòa liên bang Đức; Tập đoàn Tenova S.p.A-Italy, Bedeschi trụ sở tại Italia ... và một số đối tác khác để thực hiện việc chế tạo thiết bị xuất khẩu.

Việc thực hiện được lãnh đạo công ty phổ biến công khai, sâu rộng tới tất cả cán bộ công nhân viên.

XI. Đánh giá chiến lược hiện thời của công ty.

Phân tích, đánh giá điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức đối với Công ty

| | |
|---|---|
| <p style="text-align: center;">Điểm mạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - LILAMA 69-3 là doanh nghiệp có thương hiệu mạnh trên thị trường được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm cao. - Có đội ngũ kỹ sư kỹ thuật nhiều kinh nghiệm, công nhân lành nghề, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao. - Có cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị được trang bị tương đối đầy đủ. | <p style="text-align: center;">Điểm yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy tổ chức chưa tinh gọn, tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng số lao động chưa phù hợp. - Các nhà máy nằm phân tán, chi phí trung gian cao ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. - Tiềm lực tài chính không mạnh, vốn chủ sở hữu thấp so với quy mô của Công ty. - Trình độ ngoại ngữ và hiểu biết về thông lệ quốc tế của cán bộ, nhân viên còn hạn chế. |
| <p style="text-align: center;">Cơ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành cơ khí Việt Nam đang được nhà nước quan tâm và tạo nhiều điều kiện phát triển. - Với uy tín Công ty đã gây dựng và được ghi nhận, Công ty sẽ có cơ hội lớn được tham gia vào chuỗi sản xuất cung cấp thiết bị cơ khí chất lượng cao phục vụ lĩnh vực sản xuất thiết bị ngành công nghiệp xanh, nhà máy xử lý môi trường trong nước và xuất khẩu.... - Hiện có rất nhiều các nhà máy xi măng đang hoạt động nên cơ hội thực hiện các dịch vụ công nghiệp là rất lớn. - Có mối quan hệ với nhiều Tập đoàn kinh tế nước ngoài như: Polysius, FLSmidth, Loesche; ThyssenKrupp; Aumund trụ sở tại Cộng Hòa liên bang Đức; Tập đoàn Tenova S.p.A-Italy, Bedeschi trụ sở tại Italia nên đây là cơ hội để mở rộng hợp tác chế tạo thiết bị xuất khẩu và các dịch vụ kỹ thuật cao. | <p style="text-align: center;">Thách thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nền kinh tế trong nước vẫn đang được đánh giá còn nhiều khó khăn. Các công trình bị giãn tiến độ, thậm chí dừng đầu tư làm ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh. - Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nhà thầu nước ngoài có cùng ngành nghề ngày càng quyết liệt. - Do hoạt động sản xuất trong lĩnh vực sửa chữa, bảo trì và lắp đặt có tính lưu động cao nên việc tuyển dụng nhân sự gặp rất nhiều khó khăn. |

PHẦN II

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025

1. Khẳng định sứ mệnh, tầm nhìn của công ty đến năm 2025:

Tầm nhìn:

LILAMA 69-3 trở thành nhà thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí, lắp đặt thiết bị và dịch vụ công nghiệp chuyên nghiệp hàng đầu trong nước và khu vực. Hướng đến là nhà tổng thầu chuyên nghiệp thực hiện EPC các nhóm ngành công nghiệp xi măng, thép, vật liệu xây dựng, cảng vận tải, khai thác mỏ.

Sứ mệnh:

LILAMA 69-3 chuẩn hoá lực lượng lao động, củng cố bộ máy tổ chức, đầu tư nâng cao cơ sở vật chất để thực hiện việc thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí; lắp đặt thiết bị và các dịch vụ công nghiệp tốt nhất cho khách hàng trong và ngoài nước.

Xây dựng môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp; đảm bảo hài hòa các lợi ích của cổ đông và người lao động, lợi ích của doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

2. Mục tiêu chiến lược của Công ty

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Lĩnh vực chế tạo thiết bị cơ khí: 65% giá trị doanh thu. Trong đó:
 - + Thị trường trong nước: 20% giá trị doanh thu.
 - + Thị trường xuất khẩu: 45% giá trị doanh thu.
- Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, sửa chữa, bảo trì: 20% giá trị doanh thu.
- Lĩnh vực thi công xây lắp: 15% giá trị doanh thu.

2.2. Mục tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ bình quân hàng năm đạt từ 7-10%/năm (chi tiết tại mục 2.3.2).

2.3. Các chỉ tiêu thực hiện năm 2021- 2023 và kế hoạch định hướng năm 2024, năm 2025.

2.3.1. Các chỉ tiêu thực hiện năm 2021- 2023

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----|--|------------|----------|----------|----------|
| 1 | Giá trị SXKD | Triệu đồng | 776.030 | 895.464 | 438.673 |
| 2 | Doanh thu | Triệu đồng | 771.088 | 893.778 | 600.169 |
| 3 | Thu nhập trước thuế, lãi vay, khấu hao | Triệu đồng | 42.432 | -3.638 | 46.735 |
| 4 | Khấu hao | Triệu đồng | 17.070 | 16.497 | 16.539 |
| 5 | Lãi vay | Triệu đồng | 22.506 | 25.997 | 23.190 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 2.856 | -46.132 | 7.006 |
| 7 | Chi phí thuế TNDN | Triệu đồng | 2.604 | 0 | 3.164 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 252 | -46.132 | 3.842 |

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----|---|------------|----------|----------|----------|
| 9 | Các khoản phải nộp NS | Triệu đồng | 11.687 | 14.703 | 12.286 |
| 10 | Lao động bình quân | Người | 1084 | 1071 | 868 |
| 11 | Thu nhập bình quân 1 người/tháng (26 ngày công) | Triệu đồng | 9.500 | 9.500 | 9.500 |
| 12 | Vốn Điều lệ | Triệu đồng | 82.793 | 82.793 | 82.793 |
| 13 | Vốn chủ sở hữu | Triệu đồng | 106.977 | 58.241 | 62.083 |
| 14 | Tổng nợ phải trả | Triệu đồng | 708.009 | 635.406 | 383.846 |
| | Trong đó: Nợ ngắn hạn | Triệu đồng | 659.375 | 549.804 | 307.127 |
| | Nợ quá hạn | Triệu đồng | | | |
| 15 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 815.603 | 694.211 | 446.330 |
| | Trong đó: Tài sản ngắn hạn | Triệu đồng | 668.396 | 553.754 | 307.904 |
| 16 | Cổ tức | % | | | |
| 17 | Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, thiết bị | Triệu đồng | 1.210 | 1.210 | 6.884 |
| 18 | Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản | Lần | 0,86 | 0,91 | 0,86 |
| 19 | Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | Lần | 6,61 | 10,9 | 6,18 |
| 20 | Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu | Lần | 3,66 | 5,68 | 3,60 |
| 21 | Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu | Lần | 0,05 | 0,002 | 0,078 |
| 22 | Tỷ suất lợi nhuận ròng/Doanh thu | Lần | 0,0003 | -0,05 | 0,006 |
| 23 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | Lần | 0,0003 | -0,66 | 0,008 |
| 24 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,0024 | -0,79 | 0,062 |
| 25 | Hệ số thanh toán hiện hành (TSNH/nợ ngắn hạn) | Lần | 1,01 | 1,007 | 1,002 |
| 26 | Hệ số thanh toán tổng quát | Lần | 1,15 | 1,09 | 1,16 |

2.3.2. Các chỉ tiêu kế hoạch định hướng năm 2024 - 2025:

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----|---|------------|----------|----------|
| 1 | Giá trị SXKD | Triệu đồng | 650.000 | 680.000 |
| 2 | Doanh thu | Triệu đồng | 620.357 | 650.325 |
| 3 | Thu nhập trước thuế, lãi vay, khấu hao | Triệu đồng | 52.253 | |
| 4 | Khấu hao | Triệu đồng | 20.421 | 22.422 |
| 5 | Lãi vay | Triệu đồng | 24.303 | 25.479 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 7.529 | 9.029 |
| 7 | Chi phí thuế TNDN | Triệu đồng | 4.965 | 5.446 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 2.564 | 3.583 |
| 9 | Các khoản nộp ngân sách | Triệu đồng | 7.523 | 12.023 |
| 10 | Lao động bình quân | Người | 900 | 950 |
| 11 | Thu nhập bình quân 1 người/tháng (26 ngày công) | Triệu đồng | 10 000 | 10 500 |
| 12 | Vốn Điều lệ | Triệu đồng | 82.793 | 82.793 |
| 13 | Vốn chủ sở hữu | Triệu đồng | 64.648 | 68.231 |
| 14 | Tổng nợ phải trả | Triệu đồng | 451.847 | 458.281 |
| | Trong đó: Nợ ngắn hạn | Triệu đồng | 254.477 | 282.077 |
| | Nợ quá hạn | Triệu đồng | | |
| 15 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 516.865 | 526.853 |
| | Trong đó: Tài sản ngắn hạn | Triệu đồng | 267.059 | 284.421 |
| 16 | Cổ tức dự kiến | % | | |
| 17 | Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, thiết bị | Triệu đồng | 149.935 | 20.009 |
| 18 | Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản | Lần | 0,874 | 0,869 |
| 19 | Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | Lần | 6,988 | 6,717 |
| 20 | Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,98 | 2,79 |
| 21 | Tỷ suất lợi nhuận gộp/D.thu | Lần | 0,086 | 0,087 |
| 22 | Tỷ suất lợi nhuận ròng/Doanh thu | Lần | 0,004 | 0,0055 |

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----|---|-----|----------|----------|
| 23 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | Lần | 0,005 | 0,0068 |
| 24 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,0397 | 0,0525 |
| 25 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ | % | 9 | 10,9 |
| 26 | Hệ số thanh toán hiện hành | Lần | 1,05 | 1,008 |
| 27 | Hệ số thanh toán tổng quát | Lần | 1,14 | 1,15 |

3. Chiến lược của Công ty đến năm 2025:

3.1. Về ngành nghề kinh doanh:

- Lĩnh vực chế tạo thiết bị trong nước và xuất khẩu: 65% giá trị doanh thu.

Tập trung vào các thị trường công ty có thế mạnh trong thời gian qua phần đầu trở thành doanh nghiệp chế tạo cơ khí hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp thiết bị, phụ tùng cho các nhà máy xi măng, dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy thép và các công trình công nghiệp khác; tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị, tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu để chế tạo thiết bị xuất khẩu.

- Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, sửa chữa, bảo trì: 20% giá trị doanh thu.

Xây dựng và giữ vững thương hiệu Lilama 69-3 là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công nghiệp cho nhà máy xi măng, nhà máy thép, Nhiệt điện

- Lĩnh vực thi công xây lắp: 15% giá trị doanh thu.

Tiếp tục củng cố, phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị cho các nhà máy sản xuất xi măng, nhiệt điện, nhà máy thép,... và các công trình công nghiệp khác.

3.2. Về thị trường:

Tập trung phát triển lĩnh vực chế tạo; lắp đặt thiết bị; bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy xi măng, nhiệt điện, nhà máy thép, khai thác mỏ... Về thị trường chế tạo thiết bị cơ khí trong nước dự kiến thực hiện 20% giá trị doanh thu, thị trường chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu 45% giá trị doanh thu và định hướng phát triển mạnh thị trường xuất khẩu trong những năm tới sau khi cơ sở hạ tầng nhà xưởng, máy móc hiện đại được đầu tư và nâng cấp.

3.3. Về lợi nhuận:

Phát huy lợi thế kinh doanh theo chiến lược ngành nghề nêu trên đảm bảo lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ hàng năm đạt từ 7-10%.

4. Giải pháp thực hiện chiến lược.

4.1. Về quản trị nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại; thường xuyên đánh giá, sắp xếp lại lao động cho phù hợp.

- Tạo môi trường làm việc, sinh hoạt tốt cho CBCNV, xây dựng niềm tin vững chắc vào sự phát triển của Công ty để người lao động phát huy năng lực và cống hiến.

- Có chính sách đãi ngộ phù hợp với CBCNV ở các công trình xa để người lao động yên tâm công tác.

4.2. Về đầu tư phát triển:

Thực hiện việc hợp tác với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về việc triển khai thực hiện dự án gia công chế tạo kết cấu thép xuất khẩu - H2GS. Công ty đang thực hiện đầu tư điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị Lilama 69-3 với các nội dung như sau:

- Tên dự án: NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ LILAMA 69-3.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần LILAMA 69-3
- Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh dự án: Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tư vấn và xúc tiến đầu tư - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương.
- Mục tiêu dự án: Chế tạo thiết bị, kết cấu thép cho nhà máy sản xuất xi măng, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Quy mô, sản phẩm cung cấp:
 - + Chế tạo thiết bị; kết cấu thép cho nhà máy sản xuất xi măng, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng: 15.000 tấn sản phẩm/năm.
 - + Cho thuê nhà xưởng.
- Tổng diện tích đất thuê: 110.000 m² (Không thay đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS279813 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/3/2020).
- Tổng mức đầu tư mới: 138.500.000.000 đồng.

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Hạng mục đầu tư | Tổng tiền | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------------------|---------|
| 1 | Chi phí xây dựng | 111.243.200.000 | |
| 2 | Chi phí thiết bị | 11.963.250.000 | |
| 3 | Chi phí tư vấn | 6.443.550.000 | |
| 4 | Chi phí khác | 6.150.000.000 | |
| 5 | Chi phí dự phòng | 1.200.000.000 | |
| 6 | Vốn lưu động | 1.500.000.000 | |
| | Tổng vốn đầu tư làm tròn | 138.500.000.000 | |

- Nguồn vốn đầu tư là: 138.500.000.000 đồng
- Địa điểm: xã Quang phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
- Tiến độ thực hiện:

Thi công hoàn thành đưa dự án vào hoạt động trong thời gian 18 tháng kể từ ngày được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (dự kiến tháng 10/2024).

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án

Về định hướng tái cơ cấu tổ chức: Công ty sẽ chuẩn bị từng bước di chuyển Nhà máy CTTB Hải Dương và Nhà máy CTTB và Đóng tàu Lilama 69-3 về tập trung sản xuất tại nhà máy CTTB Lilama 69-3 tại xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương khi đủ điều kiện để phát huy được hiệu quả gia công, chế tạo thiết bị, tiết kiệm được chi phí quản lý, vận chuyển...

4.3. Về thị trường.

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm; công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, nâng cao sức cạnh tranh và năng lực đấu thầu. Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài để đẩy mạnh công tác chế tạo thiết bị xuất khẩu. Bộ phận thị trường thường xuyên bám sát nghiên cứu, dự báo, báo cáo thực hiện định kỳ và thường xuyên điều chỉnh kịp thời.

4.4. Về tài chính.

- Về chiến lược dài hạn, tăng vốn điều lệ khi có điều kiện để đảm bảo hệ số tự tài trợ ở mức trên 35%, đảm bảo được tính tự chủ trong hoạt động tài chính. Nguồn vốn huy động chính từ các cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược của công ty.

- Tập trung công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ.

PHẦN III

NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025

I. Sự cần thiết phải thực hiện cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản trị công ty.

Căn cứ thay đổi định hướng chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty và chủ trương thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama 69-3 theo đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025;

Theo đuổi mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững, lớn mạnh về mọi mặt; đáp ứng yêu cầu đổi mới của tư duy sản xuất và sự khắt khe của thị trường xây lắp, nhất là của các dự án có tham gia của tổng thầu nước ngoài;

Hướng tới LILAMA 69-3 trở thành nhà thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí, lắp đặt thiết bị và dịch vụ công nghiệp chuyên nghiệp hàng đầu trong nước và khu vực.

Do đó, việc cơ cấu lại Công ty cổ phần LILAMA 69-3 là cần thiết.

II. Nội dung cơ cấu lại Công ty.

1. Ngành nghề kinh doanh.

Tiếp tục phát triển chuyên sâu 03 ngành nghề kinh doanh chính: ① Chế tạo thiết bị cơ khí; ② Lắp đặt thiết bị; ③ Dịch vụ công nghiệp, sửa chữa, bảo trì thiết bị tập trung vào lĩnh vực ngành công nghiệp xi măng, nhà máy thép, nhiệt điện, khai thác mỏ,... Phát triển lĩnh vực xuất khẩu thiết bị phục vụ ngành công nghiệp xanh, nhà máy xử lý môi trường.

1.1. Chế tạo thiết bị cơ khí.

Doanh thu chế tạo thiết bị cơ khí: 65% giá trị doanh thu, trong đó:

- Chế tạo thiết bị trong nước: 20% giá trị doanh thu

- Chế tạo thiết bị xuất khẩu: 45% giá trị doanh thu

Ngoài các đối tác truyền thống trong nước trong thời gian qua, Công ty tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài để nâng cao năng lực chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu, tăng tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong doanh thu hàng năm của công ty.

*** Về tiềm năng phát triển chế tạo thiết bị:**

Thực tế, theo dự báo sơ bộ, tổng nhu cầu thị trường cơ khí của Việt Nam từ nay đến 2030 có thể đạt 310 tỷ USD, trong đó nhu cầu thị trường từ công trình công nghiệp là 120 tỷ USD; xây dựng, nông nghiệp, chế biến là 15 tỷ USD; thiết bị tiêu chuẩn là 10 tỷ USD; giao thông đường sắt là 35 tỷ USD; tàu điện ngầm là 10 tỷ USD và ô tô là 120 tỷ USD.

Hiện nay Việt Nam đã có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong đó có 07 đối tác chiến lược toàn diện, 18 đối tác chiến lược, 12 đối tác toàn diện); có quan hệ thương mại hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, quan hệ hợp tác với hơn 300 tổ chức quốc tế; đã ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư; đàm phán, ký kết và thực thi 19 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới; trong đó 16 FTA đã có hiệu lực với hơn 60 đối tác, phủ rộng khắp các châu lục;... tiềm năng về thị trường là rất lớn.

Xác định cơ khí chế tạo là ngành trọng điểm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam nhằm thúc đẩy và tạo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm và danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm, danh mục dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm... Từ đó có thể thấy, ngành công nghiệp cơ khí đã và đang nhận được sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước trong hành trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Công ty phấn đấu mở rộng chế tạo thiết bị xuất khẩu bình quân từ 8.000 tấn thiết bị/năm trở lên.

Các sản phẩm chính chủ yếu công ty chế tạo và lắp đặt như sau:

- Thiết bị vận chuyển: băng tải, gầu tải, vít tải, cấp liệu tấm, máng khí động.
- Thiết bị lọc bụi: Lọc bụi túi, lọc bụi tĩnh điện.
- Thiết bị nâng hạ: Cầu trục, cổng trục.
- Thiết bị nghiền sàng nguyên liệu thô, máy đập, máy cán.
- Thiết bị bốc-xếp: Máy cào, rải liệu, rút liệu, đánh đồng, shiploader, shipunloader.
- Máy nghiền các loại: nghiền liệu, nghiền than, nghiền clinker.
- Thiết bị lò nung clinker, làm nguội.
- Chế tạo kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu.
- Các sản phẩm đúc, sản phẩm chịu nhiệt, chịu mài mòn: Đúc bi, tấm lót bàn nghiền, tấm đế, búa đập, ghi, đe.
- Thiết bị thủy khí: bơm, quạt công suất lớn.
- Xuất khẩu Thiết bị dây chuyền nhà máy luyện thép, nhà máy nhiệt điện, nhà máy xử lý gỗ, thiết bị ngành công nghiệp khai khoáng ...

1.2 Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị chiếm khoảng 20% cơ cấu sản lượng và doanh thu của Công ty.

Đây là lĩnh vực truyền thống của công ty, phát triển ổn định hàng năm với bề dày kinh nghiệm nên công ty tiếp tục duy trì và phấn đấu là một trong đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công nghiệp cho các nhà máy.

1.3. Nhà thầu xây lắp chiếm 15% giá trị doanh thu của Công ty.

Tiền thân của công ty là lĩnh vực lắp đặt thiết bị nên công ty tiếp tục củng cố, phát triển mạnh hơn nữa lĩnh vực lắp đặt thiết bị cho các nhà máy xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác mỏ và các công trình công nghiệp khác.

2. Cơ cấu lại sở hữu và tài chính:

2.1. Cơ cấu lại sở hữu:

Theo đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty có chủ trương thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần LILAMA 69-3, căn cứ vào thời gian cụ thể của quá trình thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty, Công ty sẽ phối hợp với Tổng công ty tìm nhà đầu tư chiến lược và/ hoặc huy động cổ đông hiện hữu mua lại phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama 69-3.

2.2. Cơ cấu lại tài chính:

Cơ cấu lại tài chính nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính, tập trung nâng cao nguồn lực, tăng cường khả năng tự chủ về tài chính, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

*** Nội dung cụ thể:**

- Cơ cấu lại các khoản nợ: Vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn của công ty thấp, công ty luôn phải vay ngắn hạn ngân hàng với số lượng lớn và lãi suất cao, từ đó ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

*** Giải pháp:**

- Cho thuê một phần nhà xưởng nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng tài sản.
- Huy động các khoản vay dài hạn thay thế các khoản vay ngắn hạn; cải thiện dòng tiền, tạo nguồn vốn ổn định cho đầu tư và vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Với khả năng và sự hỗ trợ của Tổng công ty, Lilama 69-3 tiếp tục tìm kiếm và ký kết các hợp đồng mới, nghiệm thu, quyết toán kịp thời, giải quyết triệt để các khoản nợ phải thu.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: tập trung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tăng năng suất lao động, đẩy mạnh công tác khoán, đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công trong thời gian ngắn nhất các hợp đồng ký với khách hàng, tăng cường công tác thu hồi vốn, tăng nhanh vòng quay vốn lưu động, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng vốn điều lệ khi có điều kiện nhằm đảm bảo tính tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

*** Nhu cầu vốn thực hiện cơ cấu lại:**

- Tổng nhu cầu vốn để thực hiện cơ cấu lại tài chính là: **394,504** tỷ đồng, trong đó:

+ Cơ cấu lại các khoản nợ vay : **223,774** tỷ đồng, bao gồm:

Nợ ngắn hạn : **211,212** tỷ đồng

Nợ dài hạn : **12,562** tỷ đồng

+ Nhu cầu vốn để đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ: **150** tỷ đồng

Chi tiết tại **Phụ lục số: 07**

- + Bù đắp lỗ lũy kế : 20,730 tỷ đồng
- Dự kiến nguồn vốn để cơ cấu lại tài chính Lilama 69-3:
- + Thu từ tiền ứng trước thuê nhà xưởng : 87 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế các năm 2024 đến năm 2027 : 20,730 tỷ đồng
- + Tổng nhu cầu vốn vay : 286,774 tỷ đồng

Công ty tích cực thực hiện công tác nghiệm thu, quyết toán, thu hồi vốn để giảm nợ vay ngắn hạn.

Tìm kiếm và huy động các nguồn vốn khác với lãi suất thấp.

Chi tiết tại **Phụ lục số: 03**

3. Cơ cấu lại tổ chức

3.1. Mô hình quản lý

+ Tiếp tục duy trì bộ máy quản lý tại Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, 7 phòng/ ban nghiệp vụ

+ Các đơn vị sản xuất, thi công trực thuộc: 03 nhà máy, 09 đội công trình.

* Tập trung triển khai công tác đầu tư mở rộng nhà máy CTTB Lilama 69-3 tại huyện Tứ Kỳ. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để di chuyển Nhà máy CTTB và đóng tàu Lilama 69-3, Nhà máy CTTB Hải Dương về sản xuất tập trung tại Nhà máy CTTB Lilama 69-3 (huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) khi thích hợp. Phương án dự kiến như sau:

- Về con người: điều chuyển CBCNV tại hai Nhà máy về các phòng ban, đơn vị của Công ty theo nhu cầu thực tế.

- Về tài sản: phân loại những tài sản có nhu cầu sử dụng sẽ chuyển về nhà máy CTTB Lilama 69-3; thanh lý những tài sản không có nhu cầu sử dụng/không sử dụng được.

- Về đất đai: đất tại các nhà máy là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, Công ty sẽ sử dụng vào mục đích phù hợp: kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh, cho thuê nhà xưởng,... hoặc trả lại địa phương.

Chi tiết tại **Phụ lục số 08** - Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần LILAMA 69-3 giai đoạn 2024-2025 trở đi.

3.2. Mô hình tổ chức, lao động

- **Cơ cấu lại lao động:**

Sắp xếp, cơ cấu lại nhân sự của công ty, giảm nhân sự trung gian, có năng suất lao động thấp, dồi dư, ý thức kỷ luật lao động kém, tăng lao động là công nhân lao động trực tiếp có tay nghề, kỹ sư kỹ thuật, kỹ sư thiết kế.

Giải pháp để giải quyết lực lượng lao động kém chất lượng, lao động gián tiếp dồi dư, không có nhu cầu sử dụng:

+ Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động;

+ Đánh giá, phân loại, xác định danh sách lao động không có nhu cầu sử dụng để động viên, khuyến khích người lao động nghỉ hưu trước tuổi hoặc tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Các chỉ tiêu về lao động:

- + Tổng số lao động từ 900 người đến 1000 người;
- + Tỷ lệ lao động gián tiếp làm việc tại phòng ban chức năng/tổng số lao động dao động từ 12- 15%;
- + Nâng dần tỷ lệ công nhân kỹ thuật có tay nghề lên 90% tổng số lao động trực tiếp.

- *Tuyển dụng, đào tạo, đánh giá chất lượng lao động:*

Tăng cường công tác tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển, xét tuyển nhằm nâng cao chất lượng lao động.

Xác định nhu cầu đào tạo định kỳ hoặc đột xuất từ các bộ phận chuyên môn, yêu cầu công việc thông qua bảng mô tả công việc. Hằng năm, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, sát hạch, xét nâng bậc, thi nâng bậc cho công nhân nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân.

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tư vấn thiết kế, kỹ thuật, tài chính, nhân sự, marketing, ngoại ngữ...

Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng lao động.

3.3. Quy trình hoạt động quản lý

Công ty chủ động rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định của Công ty cho phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Khi rà soát nếu có bất cập các phòng ban, đơn vị đề xuất cấp có thẩm quyền (Tổng giám đốc, HĐQT, Đại hội đồng cổ đông) xem xét sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới.

4. Cơ cấu lại quản trị:

Công ty vẫn tiếp tục duy trì mô hình như giai đoạn 2021-2023, cụ thể như sau:

4.1. Hội đồng quản trị

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, quy chế hoạt động của HĐQT.

4.2. Ban Tổng giám đốc

- Cơ cấu: 05 thành viên (Tổng giám đốc và 04 Phó tổng giám đốc).
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng nhằm huy động tối đa sức mạnh tập thể và tăng cường trách nhiệm cá nhân trong hoạt động điều hành.

4.3. Ban Kiểm soát

Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

4.4. Các đơn vị sản xuất trực thuộc

Công ty thực hiện việc giao khoán theo hợp đồng cho các đơn vị, nhằm khuyến khích các đơn vị sản xuất tăng cường trong công tác quản lý chi phí, nâng cao năng suất lao động.

4.5. Nâng cao hiệu quả và năng suất lao động

Để nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, phải nâng cao hiệu quả từng yếu tố, cụ thể:

Vật liệu:

Thiết lập hệ thống các nhà cung cấp vật liệu có khả năng cung cấp nhanh chóng, đảm bảo chất lượng, phù hợp, ổn định;

Cải tiến các công tác mua sắm, phân phối, lưu trữ vật liệu nhanh chóng, hiệu quả; đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của các quá trình sản xuất; giảm được khâu trung chuyển, vận chuyển vật liệu giữa các xưởng; hạn chế tối thiểu vật liệu, thiết bị tồn kho.

Nhân lực:

Sự phù hợp công việc đối với người lao động là yếu tố quan trọng nhất, nắm được khả năng, cũng như sở trường của người lao động và sắp xếp người lao động vào những vị trí thích hợp nâng suất lao động sẽ tăng.

Đào tạo và sử dụng người lao động theo hướng chuyên nghiệp về nghề nghiệp, nắm bắt sâu về chuyên môn và kỹ năng của công việc đang làm, tăng cường khả năng làm việc nhóm, biết lắng nghe và áp dụng các biện pháp cải tiến.

Xây dựng quy trình tuyển dụng để đảm bảo tuyển dụng đúng người, đúng việc; đánh giá thường xuyên chất lượng nhân lực, giảm nhân lực dư thừa, không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Xây dựng mô tả công việc nhằm giúp tăng hiệu quả làm việc của cá nhân và tổ chức. Một bảng mô tả công việc tốt và cập nhật sẽ giúp nhân viên hiểu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, cũng như hiểu được tầm quan trọng mà công việc của họ đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu của tổ chức. Bảng mô tả công việc tốt đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc đảm bảo công việc của từng nhân viên được tiến hành phù hợp với nhiệm vụ và mục tiêu của tổ chức đề ra.

Thiết bị thi công:

Chuyên nghiệp hóa dần các nhà máy theo từng lĩnh vực sản phẩm: nhà máy chế tạo thiết bị cơ khí, nhà máy chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, nhà máy sản xuất kết cấu thép; để tối ưu năng lực máy và thiết thi công; ở từng công đoạn sản xuất cụ thể tiến tới sản xuất theo dây chuyền để tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao vật liệu, năng lượng.

Không đầu tư thêm máy móc thiết bị thi công phục vụ những lĩnh vực sản phẩm không phải là thế mạnh của công ty, sức cạnh tranh thấp. Tiến tới trang bị máy móc thiết bị có công nghệ hiện đại nhằm giảm dần yếu tố nhân công, tăng năng suất lao động.

Phương pháp - tổ chức:

Năng suất lao động là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực khả năng cạnh tranh của công ty; nâng cao năng suất lao động có thể đạt được thông qua phương pháp tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh; tập trung trước tiên vào quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh (từ khi mua nguyên vật liệu tới lúc giao hàng).

Rà soát, loại bỏ những quy trình, thủ tục phức tạp, phải qua nhiều bộ phận kiểm duyệt, mất nhiều thời gian nhưng hiệu quả kiểm soát không cao. Yêu cầu tăng mức độ tự chịu trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân từng người lao động.

Triển khai việc giao khoán triệt để hơn để tăng mức độ tự chịu trách nhiệm, tính chủ động trong sản xuất, bán hàng; khuyến khích tính năng động sáng tạo của đơn vị sản xuất, thông qua các chỉ tiêu khuyến khích bằng lợi ích vật chất, các chỉ tiêu quy định về nhiệm vụ quyền hạn.

4.6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Xây dựng và quản lý chiến lược nhân sự căn cứ theo chiến lược phát triển của công ty nhằm giúp Lilama 69-3 đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng lao động đồng thời thúc đẩy công ty đạt được mục tiêu chiến lược đề ra. Các hoạt động của bộ phận nhân sự gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của công ty và tất cả các hoạt động quản lý nhân sự như tuyển dụng, quản lý hiệu quả công việc, xây dựng hệ thống thang lương, quy chế lương - thưởng góp phần hỗ trợ công ty đạt được những mục tiêu đề ra.

Xây dựng chiến lược tuyển dụng, liên kết chiến lược tuyển dụng với các mục tiêu dài hạn của Công ty, kết nối tuyển dụng với giá trị công ty và tối ưu hóa phương pháp tuyển dụng để duy trì sự linh hoạt của lực lượng lao động. Các yếu tố được xem xét gồm: ứng viên mục tiêu, nguồn nhân lực chủ yếu, cách tiếp cận nguồn nhân lực, thông điệp truyền tải. Trên cơ sở chiến lược Công ty sẽ cập nhật chính sách và quy trình tuyển dụng.

Xây dựng và thực hiện quy trình quản lý hiệu quả công việc trên cơ sở mục tiêu chiến lược của Công ty, năng lực và kỹ năng của nhân viên, xây dựng hệ thống các mục tiêu, các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả công việc.

5. Quản trị sự thay đổi

Công ty đã kiện toàn Ban cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Việc thực hiện cơ cấu lại được lãnh đạo công ty phổ biến công khai, sâu rộng đến toàn thể CBCNV. Quá trình thực hiện sẽ được kiểm soát để giảm thiểu các thách thức của sự thay đổi đồng thời đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp.

Để thực hiện kế hoạch cơ cấu lại đến năm 2025 thành công, Công ty cổ phần Lilama 69-3 sẽ phân rõ chức năng, nhiệm vụ và công khai, minh bạch. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi tới toàn bộ CBCNV về sự cần thiết, tính cấp bách của việc cơ cấu lại doanh nghiệp để CBCNV nắm rõ và thống nhất trong hành động.

Thực hiện cơ cấu lại theo đúng nội dung được phê duyệt và quy định hiện hành của pháp luật.

Thường xuyên tổng hợp báo cáo và rà soát đánh giá kết quả quá trình thực hiện cơ cấu lại để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

**PHẦN IV
KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt nội dung “Đề án cơ cấu lại Công ty Cổ phần LILAMA 69-3 giai đoạn 2024-2025” như trên.

Kính đề nghị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP quan tâm tạo điều kiện, chỉ đạo hoàn thiện, hỗ trợ Công ty thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại.

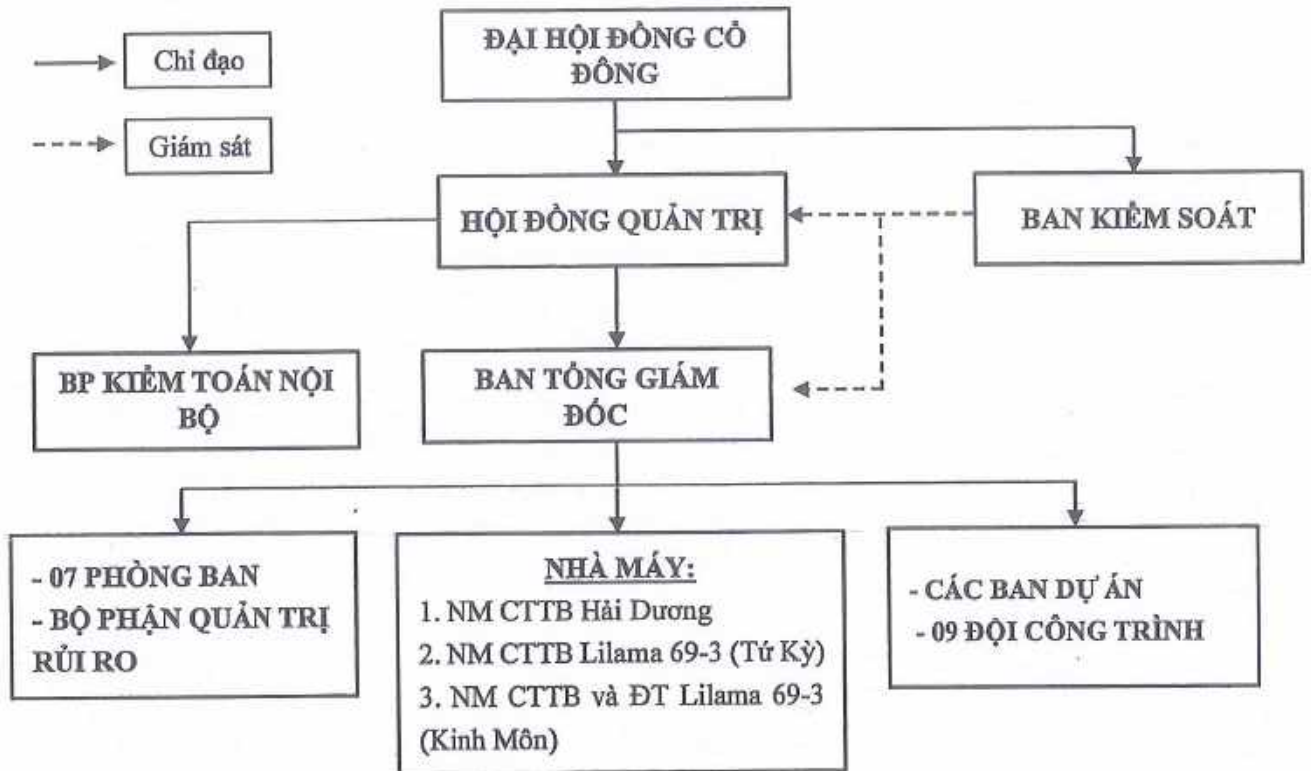
Trân trọng!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Trọng Toàn

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
(Ngày 15/3/2024)



**TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

Phụ lục số: 02

**BÁO CÁO DƯ NỢ TÍN DỤNG NGẮN VÀ TRUNG HẠN, DÀI HẠN
(TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2023)**

Đơn vị: đồng

| TT | Nội dung | Dư nợ tại 31/12/2023 | | Ghi chú |
|-------------|--|------------------------|-----------------------|---------|
| | | Vay ngắn hạn | Vay trung, dài hạn | |
| 1 | Ngân hàng Công thương khu công nghiệp Hải Dương | 25.706.911.242 | | |
| 2 | Ngân hàng Đầu tư và phát triển - CN Hải Dương | 164.628.050.303 | | |
| 3 | Ngân hàng TMCP TP Bank | 20.876.793.540 | 229.508.402 | |
| 4 | Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumi Trust CN Hà Nội | | 10.534.193.949 | |
| 5 | Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương VN | | 1.798.146.000 | |
| Cộng | | 211.211.755.085 | 12.561.848.351 | |

Phụ lục số: 03

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nhu cầu vốn cho tái cấu trúc | | Nguồn để thực hiện | | | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--|----------------|--|--|---------------------------------------|---------------|----------------|---------|
| | Chỉ tiêu | Số tiền | Thu từ ứng trước tiền thuê nhà xưởng của TCT | Vay vốn trung dài hạn từ các tổ chức tín dụng, NV khác | Lợi nhuận giữ lại các năm 2024 - 2027 | Số tiền | | |
| 1 | Tái cơ cấu các khoản nợ vay ngắn, trung dài hạn lãi suất cao, trong đó: | 223,774 | | 223,774 | | | 223,774 | |
| 1.1 | Tái cơ cấu nợ trung, dài hạn | 12,562 | | 12,562 | | | 12,562 | |
| 1.3 | Tái cơ cấu nợ ngắn hạn | 211,212 | | 211,212 | | | 211,212 | |
| 2 | Đầu tư mua sắm, đổi mới công nghệ, xây dựng nhà xưởng năng cao năng lực thi công | 150,000 | 87,000 | 63,000 | | | 150,000 | |
| 3 | Bù đắp lỗ lũy kế | 20,730 | | | 20,730 | | 20,730 | |
| | TỔNG CỘNG | 394,504 | 87,000 | 286,774 | 20,730 | 20,730 | 394,504 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

NĂNG LỰC MÁY, THIẾT BỊ THI CÔNG HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY

| A Năng lực thiết bị máy thi công trang bị cho chế tạo thiết bị gia công kết cấu thép | | | | |
|--|--|--|--------|--|
| TT | TÊN THIẾT BỊ | XUẤT XỨ | SỐ /Lg | CÔNG SUẤT, TÍNH NĂNG KT |
| 1 | Lò ủ khí than; Lò buồng đốt gas | Việt Nam | 02 | Dung tích 330m ³ ; 2.5m ³ |
| 2 | Máy lốc tôn thủy lực 4 trục | MCB 3070 Italy | 01 | lốc tôn dày 100mm rộng 3met |
| 3 | Máy lốc tôn cỡ nhỏ | Nga, Đức, Trung quốc | 08 | 45kw Lốc tôn đến 30mm rộng 3met |
| 4 | Máy tiện các loại | Nga, Đức, Trung quốc | 12 | 35KW - Đ/ kính chi tiết gia công đến 1600mm chiều dài 1800 |
| 5 | Máy doa toạ độ cỡ lớn kích thước máy 10700x7200x4900 | Nga - Model 2A656p | 01 | 55kw kích thước di chuyển theo phương x,y,z=3200,2060,1200 |
| 6 | Máy doa ngang, doa đứng, CNC | Nga, Đức, Nhật | 04 | Công suất 7,5 và 10kw, đường kính vật gia công tối đa 1300mm hành trình dọc 2000 ngang 1300mm lên xuống 1000mm |
| 7 | Máy phay các loại, CNC | Nga, Đức, Trung quốc, Nhật | 08 | Công suất từ 3kw đến 10kw |
| 8 | Máy khoan đứng các loại | Nhật, Nga, Trung quốc | 03 | Công suất từ 2,8kw đến 7,5kw |
| 9 | Máy khoan CNC | Nhật, Đài Loan | 02 | Công suất từ 3.7kw đến 15kw |
| 10 | Máy khoan cần các loại | Nga, Trung quốc, VN | 08 | Công suất từ 2,8 đến 5,5 kw |
| 11 | Máy cắt tôn | Ba Lan | 01 | Cắt tôn dày 13mm |
| 12 | Máy cắt CNC | Trung Quốc, Đài Loan | 05 | Công suất 2.8kW đến 5kW |
| 13 | Máy cắt Fiber laser | Trung Quốc | 01 | Công suất 12kW |
| 14 | Máy cắt ống bằng oxy gas | Trung Quốc | 03 | Cắt ống 5-50mm |
| 15 | Máy cắt ren ống | Trung Quốc | 04 | Cắt ống từ 21mm đến 114mm |
| 16 | Máy trần thủy lực | Đức, Việt Nam, T.Quốc | 04 | Từ 160 tấn đến 600 tấn |
| 17 | Máy dập kim loại | Nhật | 01 | Dập đến 100 tấn |
| 18 | Máy bào ngang | Trung quốc | 01 | Công suất 5kw |
| 19 | Máy phay răng, phay ngang, phay đứng, phay giường | Đức, Nga, Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan | 08 | Công suất 7,5kw đến 34kw |
| 20 | Máy đột dập các loại | Nga, Hàn quốc, Việt nam | 04 | Công suất đến 15kw lực ép từ 6,3 tấn đến 47 tấn |

| TT | TÊN THIẾT BỊ | XUẤT XỨ | SỐ /Lg | CÔNG SUẤT, TÍNH NĂNG KT |
|---|---|----------------------------|--------|------------------------------|
| 21 | Máy uốn ống, uốn thép hình | Việt nam | 01 | ống 320x6 thép H đến 300x300 |
| 22 | Máy hàn tự động | Pháp, Trung Quốc | 06 | Dòng hàn 1000A |
| 23 | Máy hàn tự động, bán tự động | Nhật, Trung Quốc, Việt Nam | 100 | Dòng hàn từ 250A đến 500A |
| 24 | Máy hàn TIG một chiều | Trung Quốc, Hàn Quốc | 04 | Dòng hàn từ 200A đến 500A |
| 25 | Máy hàn thoi một chiều | Hàn Quốc | 02 | Công suất 55kVA |
| 26 | Máy hàn một chiều các loại | Việt Nam, Trung Quốc | 100 | Dòng hàn từ 100A đến 1000A |
| 27 | Tủ sấy que hàn các loại | Thụy điển, Trung quốc | 06 | Công suất 2,2kw đến 3,5 kw |
| 28 | Máy cắt ga oxy tự động | Nhật, Trung quốc | 45 | từ 1 mỗ đến 2 mỗ |
| 29 | Máy mài cầm tay các loại | Trung Quốc | 350 | Công suất 240w đến 1600w |
| 30 | | | | |
| 31 | Máy nén khí các loại | Nhật, Đức, Trung Quốc | 09 | Từ 26 đến 110m3/h |
| 32 | Máy đo độ cứng | Nhật | 01 | |
| 33 | Máy đo độ dày sơn, độ dày mạ | Anh, Mỹ, Nhật, Trung Quốc | 10 | |
| 34 | Máy cân bằng tia lazer | Trung Quốc, Nhật | 06 | |
| 35 | Máy đo độ nhám bề mặt, độ muối, đo nhiệt độ, đo khoảng cách,... | Đức | 15 | |
| 36 | Máy khắc kim loại tự động | Đài Loan | 01 | |
| 37 | Máy phun sơn, phun cát | Hàn Quốc | 14 | |
| 38 | Cầu tháp BK1000 | Nga | 01 | Sức nâng 50T |
| 39 | Cổng trục các loại ngoài bãi GC | Nga, Việt nam | 11 | Sức nâng 5t đến 30t |
| 40 | Cầu trục các loại trong xưởng | Việt nam | 19 | Sức nâng 2,5t đến 10t |
| 41 | Máy cắt plasma | Hàn quốc | 03 | Dòng cắt 50 đến 100A |
| B Năng lực thiết bị máy thi công trang bị cho lắp đặt thiết bị và sửa chữa bảo dưỡng sau lắp đặt | | | | |
| 1 | Cầu bánh lốp các loại | Nhật | 05 | sức nâng từ 10t đến 55 tấn |
| 2 | Cầu bánh xích các loại | Đức | 03 | Sức nâng 20t,25t,28t |
| 3 | Xe tải gắn cầu tự hành | Nhật, Hàn quốc | 03 | Xe 10 tấn ,cầu 7 tấn |
| 4 | Xe tải các loại | Nga, Nhật, Hàn quốc | 04 | từ 2,5t đến 40 tấn |
| 5 | Xe nâng hàng | Nhật, Đài loan, Trung Quốc | 09 | Từ 2,5t đến 5 tấn |

| TT | TÊN THIẾT BỊ | XUẤT XỨ | SỐ /Lg | CÔNG SUẤT, TÍNH NĂNG KT |
|----|---|----------------------------|--------|-------------------------------|
| 6 | Tời điện các loại | Nga, Trung quốc, VN | 15 | Từ 0,5t đến 10t |
| 7 | Pa lăng xích các loại | Nhật | 200 | Từ 1t đến 20t |
| 8 | Kịch thủy lực loại lớn | Nhật, Hàn quốc | 04 | 500tấn , 800tấn |
| 9 | Kịch thủy lực các loại | Nhật, Hàn quốc | 30 | Từ 50t đến 400t |
| 10 | Máy gia nhiệt vòng bi | Hà Lan | 01 | Công suất 3.6kW |
| 11 | Bộ gá hàn ống quay tự động | Trung Quốc | 03 | Công suất 2x2.2kW |
| 12 | Máy khoan từ | Nhật, Anh, Trung Quốc | 30 | Từ 1500w đến 1850w |
| 13 | Máy khoan cầm tay | Trung Quốc, Đức | 12 | Từ 500w đến 1000w |
| 14 | Máy bơm bê tông | Slovenia | 02 | Công suất 18.5kW |
| 15 | Máy thủy bình | Nhật | 12 | |
| 16 | Máy kinh vĩ | Nhật | 04 | |
| 17 | Máy toàn đạc điện tử | Nhật | 01 | |
| 18 | Clê lực các loại | Nhật | 04 | Lực xiết 140Nm đến 2000Nm |
| 19 | Máy xiết bu lông các loại | Nhật, Đài loan, Trung Quốc | 60 | Xiết bu lông các loại |
| 20 | Thiết bị tháo lắp bu lông bằng thủy lực | Hoa Kỳ | 01 | Xiết lực đến 44260Nm |
| 21 | Máy cắt sắt | Nhật, Đức, Đài loan | 25 | Công suất 1,5 đến 5,5 kw |
| 22 | Máy trộn bê tông chịu nhiệt | Việt nam, Đài loan | 14 | 5,5 kw / 300lit |
| 23 | Đầm dùi các loại | Trung Quốc, Nhật | 25 | Công suất 1.38kW |
| 24 | Máy đục bê tông khí nén | Nhật | 25 | |
| 25 | Máy phát điện | Nga, Nhật ,Anh | 02 | Công suất từ 48kVA đến 125kVA |

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Phụ lục số: 05

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2021-2023, KẾ HOẠCH NĂM 2024-2025

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Nội dung | Doanh thu thực hiện các năm | | | | Kế hoạch năm | | Ghi chú |
|------------|--|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--|---------|
| | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | KH 2024 | KH 2025 | | |
| I | DỰ ÁN GIA CÔNG, CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT TRONG NƯỚC | 709.256 | 783.774 | 342.382 | 362.000 | 350.000 | | |
| 1 | - Phần gia công, chế tạo | 425.850 | 368.380 | 79.528 | 42.000 | 160.000 | | |
| 2 | - Phần lắp đặt | 137.453 | 283.887 | 141.595 | 195.000 | 65.000 | | |
| 3 | - Phần bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa | 145.953 | 131.507 | 121.259 | 125.000 | 125.000 | | |
| II | DỰ ÁN GIA CÔNG, CHẾ TẠO XUẤT KHẨU | 61.832 | 110.005 | 257.787 | 258.000 | 300.000 | | |
| III | TỔNG CỘNG | 771.088 | 893.779 | 600.169 | 620.000 | 650.000 | | |

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Phu lục số: 06

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU XUẤT KHẨU THỰC HIỆN NĂM 2021-2023

| TT | Nội dung | Doanh thu thực hiện các năm | | | Ghi chú |
|----|---|-----------------------------|----------------|----------------|---------|
| | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | |
| 1 | Dự án YAMAMOTO và TOYO Solution | 3.859 | | 4.820 | |
| 2 | Dự án xuất khẩu Takrap - Tenova | 57.973 | 66.777 | 41.777 | |
| 3 | Dự án xuất khẩu Schade | | 38.089 | 124.349 | |
| 4 | Dự án xuất khẩu PHB | | 2.683 | 10.880 | |
| 5 | Dự án xuất khẩu Samson | | | 11.883 | |
| 6 | Dự án xuất khẩu SMS | | | 54.193 | |
| 7 | Dự án xuất khẩu Global Hydro | | | 8.689 | |
| 8 | Dự án Gugler | | | | |
| 9 | Dự án xuất khẩu Eriez | | | | |
| 10 | Dự án xuất khẩu khác (FLSmidth; Raumaster; ...) | | 2.456 | 1.196 | |
| | TỔNG CỘNG | 61.832 | 110.005 | 257.787 | |



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Phụ lục số 07

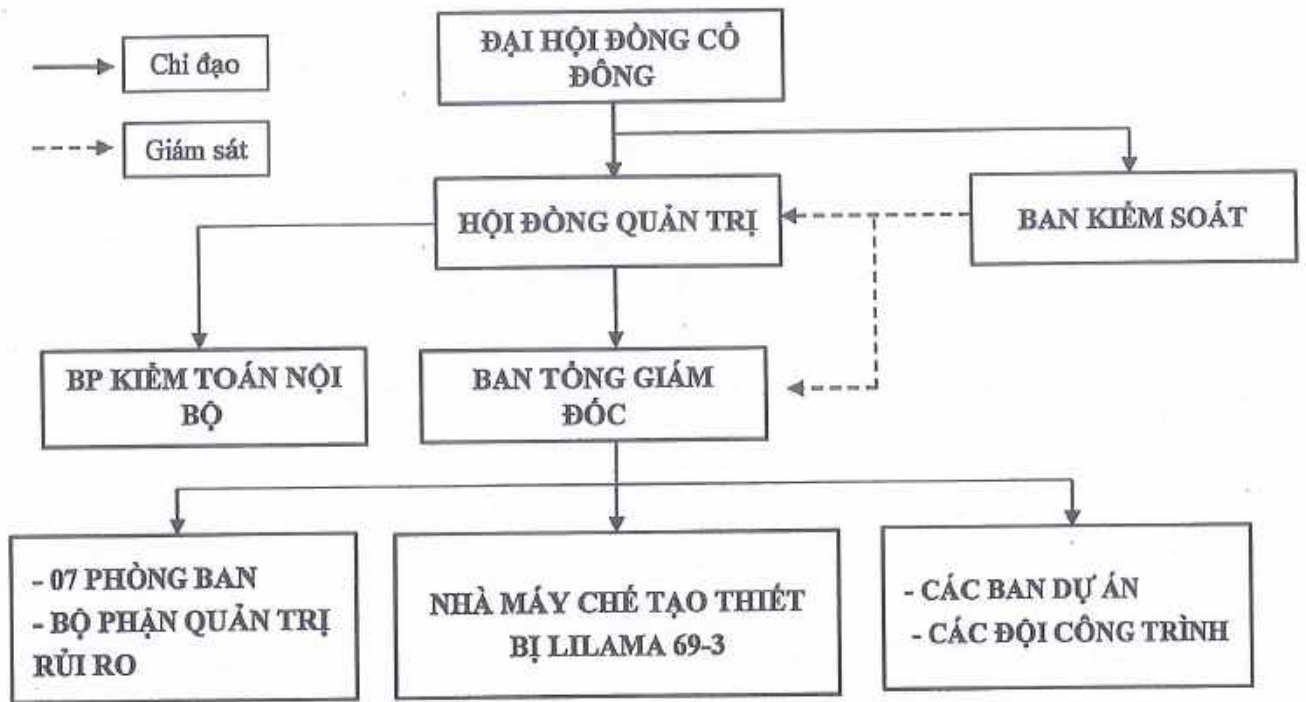
Số 515, đường Điện Biên Phủ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3852584; Fax: 0220 3853958

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2024

| TT | Tên thiết bị | Đơn vị tính | Nhu cầu đầu tư (số lượng) | Ghi chú |
|-----------|--|----------------|---------------------------|---------|
| I | Phần xây dựng | | | |
| 1 | Nhà điều hành | m ² | 1.296 | |
| 2 | Nhà xưởng số 4 | m ² | 13.200 | |
| 3 | Nhà xưởng số 5 | m ² | 4.560 | |
| 4 | Nhà nghỉ giữa ca | m ² | 410 | |
| 5 | Lán để xe số 1, 2 | m ² | 324 | |
| 6 | Nhà vệ sinh số 4 | m ² | 107 | |
| 7 | Hệ thống điện | HT | 1 | |
| 8 | Hệ thống khí nén | HT | 1 | |
| 9 | Hệ thống cấp thoát nước | HT | 1 | |
| 10 | Trạm xử lý nước thải | HT | 1 | |
| 11 | Sân đường nội bộ, bãi đỗ xe | m ² | 6.310 | |
| II | Phần thiết bị | | | |
| 1 | Cầu trục 5 tấn | cái | 2 | |
| 2 | Cầu trục 10 tấn | cái | 2 | |
| 3 | Máy cắt Laser 12 KW | cái | 2 | |
| 4 | Hệ thống phòng cháy chữa cháy | HT | 1 | |
| 5 | Hệ thống cầu trục (4 cái 10 tấn; 4 cái 15 tấn; 2 cái 25 tấn) | HT | 1 | |
| 6 | Cổng trục 20 tấn | cái | 1 | |
| 7 | Ô tô 7 chỗ | cái | 1 | |

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3
GIAI ĐOẠN 2024-2025 TRỞ ĐI**



** Tùy từng thời điểm có thể sáp nhập, giải thể hoặc thành lập mới các dự án, đội công trình cho phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.*



Hải Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông Công ty CP LILAMA 69-3

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty CP LILAMA 69-3.

- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty CP LILAMA 69-3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo quy định về các hoạt động của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông các nội dung chủ yếu sau:

1. Báo cáo một số hoạt động chính và Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát năm 2023.
2. Kết quả giám sát, đánh giá đối với hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc.
3. Kết quả giám sát, đánh giá hoạt động tài chính năm 2023.
 - 3.1. Những nhận xét và kiến nghị của Công ty Kiểm toán độc lập
 - 3.2. Nhận xét các số liệu Báo cáo tài chính
4. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2023.
 - 4.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023
 - 4.2. Đánh giá
5. Kết luận
6. Kiến nghị của Ban Kiểm soát.
7. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT.

- Năm 2023, Ban Kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp và tham gia các cuộc họp liên quan của Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động SXKD và ĐT, quản trị và điều hành của Công ty theo đúng Nghị quyết và Điều lệ công ty; năm 2023 không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Cty.

- Giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban TGD Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

- Tiền lương, Thù lao của ban Kiểm soát trong năm 2023 là:

| STT | CHỨC DANH | SỐ NGƯỜI | SỐ THÁNG | KẾ HOẠCH 2023 | THỰC HIỆN 2023 | TỶ LỆ TH/KH |
|-----|--|----------|----------|---------------|----------------|-------------|
| 1 | Cao Thị Dự - Trưởng ban Kiểm soát (hoạt động chuyên trách) | 01 | 12 | 144 000 000 | 140 034 909 | 97,24% |
| 2 | Lưu Sỹ Học – TV Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách) | 01 | 12 | 18 000 000 | 18 000 000 | 100% |
| 3 | Nguyễn Thị Nga - TV Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách) | 01 | 12 | 18 000 000 | 18 000 000 | 100% |

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC:

a- Đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và họp Hội đồng quản trị được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, kịp thời cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh. Với những cuộc họp có nội dung liên quan đều có sự tham gia đầy đủ của đại diện Ban Kiểm soát. HĐQT tập trung thảo luận và ban hành các Nghị quyết phê duyệt, chỉ đạo kịp thời tình hình hoạt động SXKD. Các Nghị quyết phù hợp với chức năng, quyền hạn tại Điều lệ Công ty và đã gửi đầy đủ, kịp thời cho Ban Kiểm soát.

b- Đối với hoạt động của Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng, quyền hạn, và các quy định hiện hành của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Tổng GD đã tích cực, chủ động trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, và đầu tư như: Tổ chức thi công các công trình; Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ lao động; Mua sắm máy móc thiết bị cần thiết phục vụ thi công, nâng cao năng suất lao động, phát huy hiệu quả công tác đầu tư; Hạch toán kế toán, quản lý kinh tế, kỹ thuật, tài chính, nhân lực và các hoạt động quản lý khác của Công ty theo đúng quy định; Tích cực thu hồi vốn, tiết giảm chi phí, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, xiết chặt công tác an toàn lao động; giữ vững kỷ cương, kỷ luật lao động, quy tụ những nhân tố tích cực; Thu xếp đủ vốn kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đầu tư; Đẩy mạnh mở rộng thị trường trong và ngoài nước có hiệu quả. Chủ động tìm kiếm việc làm, đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV.

Cụ thể một số công việc:

1. Công tác tiền lương :

- Công ty đã xây dựng Quỹ lương Kế hoạch theo phương pháp đơn giá tiền lương/ giá trị khối lượng sản xuất thực hiện và lập quyết toán Quỹ lương thực tế thực hiện.

2. Công tác giao khoán:

- Công ty đã xây dựng Quy chế giao khoán chi phí đến các nhà máy, đội công trình.

3. Công tác kiểm kê khối lượng dở dang và việc lập bảng tính giá thành:

- Kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả kiểm kê khối lượng dở dang:

Căn cứ vào tiến độ thi công đã xây dựng và tình hình thực tế thi công công trình. Hàng tháng, Phòng KTKT cùng với đơn vị thi công tiến hành kiểm kê thực tế, đánh giá mức độ hoàn thành của từng công trình, hạng mục công trình. Dựa vào khối lượng đã kiểm kê và đơn giá hợp đồng làm căn cứ tính giá trị khối lượng dở dang của các công trình, giá trị sản xuất dở dang đến 31/12/2023 là 84,237 tỷ đồng

(năm 2022 là 245,733 tỷ đồng).

- Kiểm tra, rà soát việc lập bảng tính giá thành.

Việc tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ được hạch toán theo từng công trình gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ. Dựa vào giá trị khối lượng dở dang cuối kỳ do phòng Kinh tế kỹ thuật cung cấp, dự toán thi công và chi phí thực tế phát sinh công trình làm cơ sở tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp công trình.

4. Công tác quản lý công nợ:

Công ty đã quản lý, theo dõi sát sao cũng như đôn đốc thu hồi công nợ phải thu phải trả. Tích cực trong công tác nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ để đẩy nhanh công tác thu hồi vốn, gửi biên bản đối chiếu công nợ, công văn đề nghị quyết toán, thanh lý hợp đồng, trao đổi trực tiếp... để thu hồi công nợ. Năm 2023 đối chiếu được 151,7/195 tỷ đồng dư nợ phải thu của khách hàng và lập sổ theo dõi tuổi nợ (trong đó món nợ của Xi măng Thanh Liêm được xác định theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam ngày 26/7/2013). Nợ phải thu quá hạn là 64,62 tỷ, nợ xấu là 43,470 tỷ đồng. Đối với khoản công nợ phải thu khó đòi: Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm 2023 là 2 tỷ đồng, lũy kế đến hết 31/12/2023 là 25,131 tỷ đồng, trong đó của XM Thanh Liêm là 23,924 tỷ/42,2-tỷ.

5. Công tác quản lý hàng tồn kho:

Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ tồn kho; hạch toán nhập xuất và kiểm kê chi tiết theo từng loại vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm theo quy định. Giá trị vật tư, công cụ dụng cụ tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 là 18.571 triệu đồng (trong đó: vật tư tồn kho: 16.439 triệu đồng; công cụ dụng cụ: 1.024 triệu đồng; thành phẩm: 1.108 triệu đồng).

6. Công tác đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2023:

Công tác đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công của Công ty được thực hiện phù hợp với tình hình SXKD. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2023:

3.1. Những nhận xét và kiến nghị của Công ty Kiểm toán độc lập:

Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn thanh toán với tổng giá trị là 64,62 tỷ, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 25,13 tỷ đồng. Tuy nhiên chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đối với đánh giá của ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản

phải thu này. Do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty. Ngoài trừ các nội dung trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-3 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2. Nhận xét các số liệu Báo cáo tài chính:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 150324.014/BCTC.KT2 ngày 15/3/2024 của Công ty TNHH hăng Kiểm toán AASC, Ban Kiểm soát đã thẩm tra và báo cáo một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

(Đơn vị: Triệu đồng)

| TT | Nội dung | Số liệu tại 31/12/2023 | Số liệu tại 01/01/2023 |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|
| A | Bảng Cân đối kế toán | | |
| I | Tài sản ngắn hạn | 307 904 | 553 754 |
| | Trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn | 187 900 | 281 219 |
| | Hàng tồn kho | 95 706 | 257 245 |
| | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | |
| II | Tài sản dài hạn | 138 425 | 140 456 |
| | Trong đó: Các khoản phải thu dài hạn | 1 004 | 574 |
| | Tài sản cố định | 122 011 | 125 641 |
| | Tổng tài sản | 446 330 | 694 211 |
| III | Nợ phải trả | 383 846 | 635 406 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 307 126 | 553 067 |
| | Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 214 599 | 325 676 |
| | Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước | 2 512 | 13 881 |
| | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 5 920 | 14 801 |
| 2 | Nợ dài hạn | 76 719 | 82 338 |
| | Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 9 174 | 5 679 |
| | Người mua trả tiền trước dài hạn | 15 890 | 23 955 |
| IV | Vốn chủ sở hữu | 62 484 | 58 805 |
| | Trong đó: Vốn Điều lệ | 82 793 | 82 793 |
| | Tổng nguồn vốn | 446 330 | 694 211 |

| B | Kết quả hoạt động SXKD | Năm 2023 | Năm 2022 |
|----------|---|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác, trong đó: | 607 120 | 895 295 |
| | Doanh thu thuần | 600 169 | 893 778 |
| | Doanh thu hoạt động tài chính | 1 439 | 1 487 |
| | Thu nhập khác | 5 512 | 30 |
| 2 | Tổng chi phí, trong đó: | 600 114 | 941 427 |
| | Giá vốn hàng bán | 553 488 | 891 748 |
| | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21 116 | 21 055 |
| | Chi phí tài chính | 25 268 | 27 884 |
| | Chi phí khác | 242 | 740 |
| 3 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | 7 006 | -46 132 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 3 841 | -46 132 |
| C | Hệ số chỉ tiêu đánh giá | Năm 2023 | Năm 2022 |
| 1 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | 0,63% | - 5,16% |
| 2 | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 6,14% | -78,45% |
| 3 | Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 1 lần | 1,0012 lần |
| 4 | Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả) | 1,16 lần | 1,092 lần |
| 5 | Hệ số: Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,86 lần | 0,91 lần |
| 6 | Hệ số: Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 6,143 lần | 10,805 lần |
| 7 | Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu | 3,58 lần | 5,635 lần |

Số liệu tại ngày 01/01/2023 của Báo cáo này có một số chỉ tiêu khác so với số liệu ngày 31/12/2022 tại Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 là do Ban Tổng giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023:

4.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023:

| TT | Nội dung | Đơn vị | Kế hoạch năm | Thực hiện | So sánh TH/ KH (%) |
|----|----------------------|---------|--------------|-----------|--------------------|
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 700 | 600 | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | | 7 | |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 0,38 | 3,8 | |
| 4 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 18 | 19,4 | |
| 5 | Lao động bình quân | Người | 1.100 | 900 | |
| 6 | Đầu tư XDCB | Tỷ đồng | 21 | 7,7 | |

4.2. Đánh giá:

- Doanh thu đạt 85,7% kế hoạch năm. Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu = 7,77%, cao hơn nhiều so với năm 2022 (0,22%).

- Lợi nhuận trước thuế: 7,006 tỷ

- Lợi nhuận sau thuế: 3,841 tỷ gấp 10 lần kế hoạch năm (0,38 tỷ)

- Công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nộp ngân sách nhà nước: Công ty đã thực hiện theo các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán thống kê, lập các báo cáo tài chính quý, năm theo quy định hiện hành; Công ty cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và nộp ngân sách nhà nước như các loại thuế, lệ phí ... Công tác thu hồi vốn cũng được ban điều hành quan tâm, năm 2023 thu được 703 tỷ đồng.

- Các vấn đề còn tồn tại:

+ Khoản nợ phải thu Công trình NMXM Thanh Liêm: 42,2 tỷ đồng (Khoản nợ này Toà án Tỉnh Hà Nam đã đưa ra xét xử buộc CTCP xi măng Thanh Liêm thanh toán cho Lilama 69.3 số tiền 56 tỷ đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, khi thực hiện thi hành án gặp rất nhiều khó khăn với lý do tài sản của nhà máy đã bị Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thu giữ, nếu khoản nợ này không thu hồi được sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của Công ty). Khoản nợ đã quá hạn trên 3 năm và chưa có khả năng thu hồi.

+ Có một số khoản nợ đã trên 3 năm nhưng chưa trích lập dự phòng.

+ Tình trạng nợ đọng của một số chủ đầu tư kéo dài, nợ khó đòi vẫn tồn tại.

+ Tổng nợ phải trả là 383,846 tỷ, chiếm 86% tổng nguồn vốn, bằng 6,14 lần vốn chủ sở hữu, trong đó: dư nợ vay, nợ vay tài chính ngắn và dài hạn là 223,773 tỷ, gấp 3,58 lần vốn chủ sở hữu.

V- KẾT LUẬN:

Doanh thu tuy chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận trước và sau thuế lại vượt kế hoạch rất nhiều và việc duy trì, đảm bảo việc làm ổn định cho khoảng 900 CBCNV trong điều kiện khó khăn là một sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty. Các chế độ chính sách đối với nhà nước và người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn đã cải thiện nhiều.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khoản nợ lớn, thời gian kéo dài chưa được thu hồi, ảnh hưởng không tốt đến tình hình tài chính của Công ty như: Xi măng Thanh Liêm, Xi măng Miền Trung,...

Việc tuyển dụng lao động có chuyên môn, tay nghề khó khăn, công nhân mới ra trường kinh nghiệm và trình độ còn hạn chế dẫn tới năng suất lao động chưa cao, cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ mới.

Nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế, để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD Công ty vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng. Vì vậy tính tự chủ về tài chính chưa cao, chi phí tài chính lớn.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song Ban điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng để điều hành SX thi công. Công tác sửa chữa tại các nhà máy công nghiệp được duy trì ổn định. Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm, an toàn lao động được quan tâm, năng suất lao động được nâng lên. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất và các mặt công tác khác của công ty đúng với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạt được nhiều kết quả khả quan, cụ thể: Tích cực mở rộng công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, quảng bá thương hiệu, phát triển sản phẩm mang tính chiến lược, tăng sức cạnh tranh, ký kết và thực được nhiều hợp đồng trong nước và hợp đồng chế tạo thiết bị xuất khẩu có hiệu quả, đảm bảo được việc làm cho người lao động trong giai đoạn khó khăn. Tổ chức triển khai thi công; Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ lao động; Đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cần thiết phục vụ thi công, nâng cao năng suất lao động; Hạch toán kế toán, quản lý kinh tế, kỹ thuật, tài chính, nhân lực và các hoạt động quản lý khác của Công ty đúng quy định....

VI. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Đối với công tác thu hồi vốn:

+ Đề nghị Ban lãnh đạo công ty đẩy mạnh hơn công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, xác định doanh thu, chuyển sang nợ phải thu để thu hồi.

+ Nợ phải thu của khách hàng là 195,142 tỷ, đã giảm so với năm 2022 (276,989 tỷ). Ban lãnh đạo công ty cần tích cực rà soát lại tình hình công nợ, kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ, đề ra các giải pháp và lộ trình để thu hồi các khoản nợ đọng, đặc biệt đối với nợ phải thu tại công trình xi măng Thanh Liêm.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi quá hạn: đề nghị Công ty tăng cường công tác đối chiếu công nợ, phân tích tuổi nợ và cân đối tài chính để trích lập dự phòng theo quy định.

- Đối với hàng tồn kho: Đề nghị công ty có biện pháp luân chuyển, sử dụng vật tư sao cho hiệu quả.

- Đối với việc thực hiện Đề án tái cấu trúc: Đề nghị Ban lãnh đạo Cty tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Xây dựng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ cần thiết còn thiếu.

- Đối với công tác điều hành sản xuất, thi công, quản lý doanh nghiệp:

+ Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, điều hành thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng các dự án trọng điểm, tìm kiếm việc làm, duy trì tốt công tác SXKD hiện có, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024, đặc biệt cần đề ra biện pháp giữ vững và phát triển thị

trường sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy xi măng, chế tạo hàng xuất khẩu; Tăng cường công tác quản trị nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, khắc phục các nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả SXKD, rà soát hiệu quả việc sử dụng đất để có giải pháp phù hợp, khai thác sử dụng, phát huy tối đa năng lực nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện có nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ có năng suất, chất lượng phù hợp với xu thế phát triển chung. Xác định chính xác giá trị tồn kho cuối các kỳ, đặc biệt là khối lượng hoàn thành dở dang phải có đủ căn cứ pháp lý hoặc cơ sở tin cậy. Hoàn thiện, điều chỉnh kịp thời các Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của công ty và thị trường tại các thời điểm, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, gắn bó xây dựng công ty phát triển bền vững.

+ Tăng cường công tác tuyển dụng lao động; đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Không ngừng cải tiến quy chế tiền lương nhằm khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn, năng suất cao và gắn bó lâu dài với Công ty.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Ban kiểm soát lập kế hoạch một số công tác trọng tâm năm 2024 như sau:

- Thực hiện giám sát các mặt hoạt động của Công ty, trong đó tập trung công tác nghiệm thu, quyết toán, và thu hồi vốn các công trình tồn đọng.
- Giám sát việc thực hiện Đề án tái cấu trúc đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm theo quy định.
- Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ sau khi nhận được ý kiến bằng văn bản của cổ đông về các vấn đề điều hành SXKD của Ban lãnh đạo Công ty (nếu có).

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024. Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu Thư ký HĐQT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Cao Thị Dự

Số: 01/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty CP Lilama 69-3

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần LILAMA 69-3

Căn cứ vào Quyết định số: 46/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2023 về việc phê duyệt Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Lilama 69-3.

Căn cứ vào Hợp đồng kiểm toán số: 121023.002/HĐTC.KT2 ngày 12/10/2023 về việc Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty CP Lilama 69-3.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Lilama 69-3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. Tóm tắt một số chỉ tiêu chính như sau:

A. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung | Số dư 01/01/2023 | Số dư 31/12/2023 |
|-----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 553.754.717.685 | 307.904.517.141 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.526.540.371 | 13.352.046.603 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 6.275.000.000 | 9.724.000.000 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 281.219.528.059 | 187.900.766.920 |
| 4 | Hàng tồn kho | 257.245.802.846 | 95.706.659.966 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 1.487.846.409 | 1.221.043.652 |
| II | Tài sản dài hạn | 140.456.981.045 | 138.425.782.348 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 574.007.388 | 1.004.004.539 |

| STT | Nội dung | Số dư 01/01/2023 | Số dư 31/12/2023 |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 2 | Tài sản cố định | 125.641.704.606 | 122.011.577.847 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 115.710.244.391 | 104.606.105.329 |
| | - Tài sản cố định thuê tài chính | 9.398.026.037 | 16.912.284.144 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 533.434.178 | 493.188.374 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 0 | 0 |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 1.210.282.486 | 6.883.851.856 |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 1.000.000.000 | 0 |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 12.030.986.565 | 8.526.348.106 |
| | Tổng cộng tài sản (I+II) | 694.211.698.730 | 446.330.299.489 |
| III | Nợ phải trả | 635.406.029.479 | 383.846.220.039 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 553.067.166.433 | 307.126.818.238 |
| 2 | Nợ dài hạn | 82.338.863.046 | 76.719.401.801 |
| VI | Vốn chủ sở hữu | 58.805.669.251 | 62.484.079.450 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 58.241.383.385 | 62.083.117.370 |
| | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 82.793.610.000 | 82.793.610.000 |
| | - Thặng dư vốn cổ phần | 19.790.000 | 19.790.000 |
| | - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 5.012.951.659 | 0 |
| | - Quỹ Đầu tư phát triển | 17.127.214.791 | 0 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (46.712.183.065) | (20.730.282.630) |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 564.285.866 | 400.962.080 |
| | - Nguồn kinh phí | 123.100.000 | 0 |
| | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 441.185.866 | 400.962.080 |
| | Tổng cộng nguồn vốn (III+IV) | 694.211.698.730 | 446.330.299.489 |



B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----|---|------------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 893.778.516.925 | 600.169.396.555 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 0 | 0 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 893.778.516.925 | 600.169.396.555 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 891.748.016.997 | 553.488.204.517 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.030.499.928 | 46.681.192.038 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.486.886.522 | 1.439.394.846 |
| 7 | Chi phí tài chính | 27.884.758.171 | 25.268.152.246 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 0 | 0 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21.055.218.900 | 21.116.412.787 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | (45.422.590.621) | 1.736.021.851 |
| 11 | Thu nhập khác | 30.000.327 | 5.511.998.402 |
| 12 | Chi phí khác | 740.258.965 | 241.600.229 |
| 13 | Lợi nhuận khác | (710.258.638) | 5.270.398.173 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (46.132.849.259) | 7.006.420.024 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 235.534.129 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 0 | 2.929.151.910 |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (46.132.849.259) | 3.841.733.985 |

C. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kỳ báo cáo |
|-----|---------------------------------|-------------|------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | % | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | | 31 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | | 69 |

| | | | |
|---|--|-----|-------|
| | Cơ cấu nguồn vốn | | |
| 2 | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 86 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | | 14 |
| | Khả năng thanh toán | | |
| 3 | - Khả năng thanh tổng quát | Lần | 1,16 |
| | - Khả năng thanh toán ngắn hạn | | 1,003 |
| | Tỷ suất lợi nhuận | | |
| 4 | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,86 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 0,64 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | | 6,19 |

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Trọng Hoàn



Số: 02/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
của Công ty CP LILAMA 69-3

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CP LILAMA 69-3

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;

Căn cứ vào Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-3;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần LILAMA 69-3 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần LILAMA 69-3 xem xét thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023. Cụ thể với các nội dung như sau:

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

| STT | Chỉ tiêu | Diễn giải | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--|-----------|------------------|---------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang | | (24.572.016.615) | |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2023 | | 3.841.733.985 | |
| 3 | Phương án phân phối lợi nhuận 2023 | | 0 | |
| 4 | Lợi nhuận còn lại | 4=1+2-3 | (20.730.282.630) | |
| 5 | Chia cổ tức (0%) | | 0 | |
| 6 | Lợi nhuận còn lại sau khi đã phân phối | 6=4-5 | (20.730.282.630) | |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA 69-3
CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Trọng Hoàn

Số: 03/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Lilama 69-3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty và chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 69-3 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét và biểu quyết:

- Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 với tổng số tiền là: 644.034.909 đồng (có bản chi tiết kèm theo)
- Thông qua kế hoạch mức tiền lương chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 với tổng số tiền là: 744.000.000 đồng (có bản chi tiết kèm theo).

Cụ thể:

* Tổng số tiền lương, thù lao của HĐQT: 528.000.000 đồng (trong đó tiền lương chuyên trách là 384.000.000 đồng, thù lao là 144.000.000 đồng).

* Tổng số tiền lương, thù lao của thành viên BKS: 216.000.000 đồng (trong đó tiền lương chuyên trách là 180.000.000 đồng, thù lao là 36.000.000 đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn! *for*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCNS.



| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thực hiện năm 2023 | | Kế hoạch năm 2024 | | Ghi chú | |
|----|-------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|--|
| | | | Tiền lương | Tiền thù lao TV HĐQT, BKS | Tổng cộng | Tiền lương | | Tiền thù lao TV HĐQT, BKS |
| I | Hội đồng quản trị | | 324.000.000 | 144.000.000 | 468.000.000 | 384.000.000 | 144.000.000 | 528.000.000 |
| 1 | Đỗ Trọng Toàn | Chủ tịch HĐQT | 324.000.000 | - | 324.000.000 | 384.000.000 | | 384.000.000 |
| 2 | Cao Việt Cường | Tổng giám đốc - TV HĐQT | | 36.000.000 | 36.000.000 | | 36.000.000 | 36.000.000 |
| 3 | Nguyễn Văn Công | Kế toán trưởng - TV HĐQT | | 12.000.000 | 12.000.000 | | | Thời TV HĐQT từ 28/4/2023, miễn nhiệm KITT từ 4/5/2023 |
| 4 | Nguyễn Mạnh Cường | TP Kinh tế - KT. TV HĐQT | | 24.000.000 | 24.000.000 | | 36.000.000 | Làm TV HĐQT từ 28/04/2023 |
| 5 | Nguyễn Quốc Khánh | Phó Tổng giám đốc - TV HĐQT | | 36.000.000 | 36.000.000 | | 36.000.000 | |
| 6 | Phạm Văn Tâm | Phó TP.K. KT, TV HĐQT | | 36.000.000 | 36.000.000 | | 36.000.000 | |
| II | Ban kiểm soát | | 140.034.909 | 36.000.000 | 176.034.909 | 180.000.000 | 36.000.000 | 216.000.000 |
| 1 | Cao Thị Dự | Trưởng ban kiểm soát | 140.034.909 | - | 140.034.909 | 180.000.000 | | 180.000.000 |
| 2 | Lưu Sỹ Học | Thành viên Ban kiểm soát | | 18.000.000 | 18.000.000 | | 18.000.000 | 18.000.000 |
| 3 | Nguyễn Thị Nga | Thành viên Ban kiểm soát | | 18.000.000 | 18.000.000 | | 18.000.000 | 18.000.000 |
| | Tổng cộng | | 464.034.909 | 180.000.000 | 644.034.909 | 564.000.000 | 180.000.000 | 744.000.000 |

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Thêm

Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 CHỦ TỊCH HĐQT
 Đỗ Trọng Toàn



Hải Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần LILAMA 69-3;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Lilama 69-3 theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán cần thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Tiêu chí lựa chọn:

- Là đơn vị được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;
- Là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính;
- Có chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, chất lượng và tiến độ kiểm toán.

2. Danh sách đề xuất:

Là danh sách các đơn vị Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán tại thời điểm thực hiện.

3. Nội dung trình:

Nhằm lựa chọn đơn vị Kiểm toán đáp ứng các tiêu chí trên, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách đơn vị Kiểm toán đã được nêu tại mục 2 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các đơn vị Kiểm toán độc lập đã được phê duyệt để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 của Công ty.

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu BKS;

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Cao Thị Dự



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2024, Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lilama 69-3 bầu vào Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Ban kiểm phiếu gồm:

1. Bà Đỗ Thị Lý, TP TCNS/Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng, Chuyên viên Phòng TCNS /Thành viên
3. Bà Ngô Thị Nhân, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Đầu tư/Thành viên

Ban Kiểm phiếu đã hướng dẫn ghi phiếu biểu quyết và phát phiếu biểu quyết cho các cổ đông dự đại hội. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu đã nhất trí lập Biên bản kiểm phiếu như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 70 phiếu, tương đương với 6.157.680 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần (TSCP) của các cổ đông (CD) có quyền biểu quyết (QBQ) có mặt trực tiếp (TT) hoặc thông qua đại diện (ĐD) được ủy quyền (UQ) có mặt tại cuộc họp Đại hội cổ đông công ty (ĐHĐCĐ).

- Tổng số phiếu thu về: 70 phiếu, trong đó:

+ Có 70 phiếu hợp lệ, tương đương với 6.157.680 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công ty.


+ Có 0 phiếu không hợp lệ


Kết quả kiểm phiếu:

| TT | Nội dung | Đồng ý | | Không đồng ý | | Không có ý kiến | |
|----|---|----------------|--|----------------|--|-----------------|--|
| | | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CD có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CD có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CD có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty |
| 1 | Báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024 | 70 | | - | - | - | - |
| | | 6.157.680 | 100 | | | | |

| TT | Nội dung | Đồng ý | | Không đồng ý | | Không có ý kiến | |
|----|---|----------------|--|----------------|--|-----------------|--|
| | | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CĐ có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CĐ có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty | Số lượng phiếu | Tỷ lệ %/ TS CP của các CĐ có QBQ có mặt TT hoặc thông qua ĐD được UQ có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ Cty |
| 2 | Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch năm 2024 | 70 | | - | - | - | - |
| | | 6.157.680 | 100 | | | | |
| 3 | Đề án cơ cấu lại Công ty cổ phần Lilama 69-3 giai đoạn 2024 - 2025 | 68 | | - | - | 2 | |
| | | 6.153.472 | 99,93 | - | | 4.208 | 0,07 |
| 4 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 | 70 | | - | - | - | - |
| | | 6.157.680 | 100 | - | | - | |
| 5 | Báo cáo Tài chính 2023 đã được kiểm toán | 68 | | - | - | 2 | |
| | | 6.154.518 | 99,95 | - | | 3.162 | 0,05 |
| 6 | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 | 67 | | - | - | 3 | |
| | | 6.150.780 | 99,89 | - | | 6.900 | 0,11 |
| 7 | Mức chi trả tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS | 69 | | - | - | 1 | |
| | | 6.155.824 | 99,97 | - | | 1.856 | 0,03 |
| 8 | Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 | 69 | | - | - | 1 | |
| | | 6.154.988 | 99,96 | - | | 2.692 | 0,04 |

Chúng tôi cam kết về tính chính xác của công tác kiểm phiếu trên. Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Các thành viên Ban kiểm phiếu tham dự cùng ký tên.

Bà Đỗ Thị Lý:..... 

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng:..... 

Bà Ngô Thị Nhân:..... 